UBND HUYỆN ĐĂK R'LẤP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN ĐÌNH PHÙNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK NÔNG - 2022

UBND HUYỆN ĐĂK R'LẤP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN ĐÌNH PHÙNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Lê Trọng Quỳnh | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Hoàng Tâm | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Văn Sỹ | Giáo viên | Thư ký Hội đồng |  |
| 4 | Ngô Thị Thu Hiền | Bí Thư Đoàn thanh niên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Vân | Tổ trưởng Tổ văn phòng | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Nguyễn Thị Thúy | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Thái Thị Nhung | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Lê Thị Thúy | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Nguyễn Thị Châm | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Trần Thị Hướng | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Trần Thị Tuyết Ngân | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 12 | Nguyễn Thị Quy | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 13 | Dương Thị Hồng Lĩnh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 14 | Nguyễn Thị Lan | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 15 | Thịnh Văn Quyền | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 16 | Nguyễn Thị Thanh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 17 | Lê Thị Thúy B | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 18 | Nguyễn Thị Phương | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 19 | Đoàn Thị Thu Hằng | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 20 | Trần Thị Kim Yến | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 21 | Trần Thị Đông | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 22 | Đặng Thị Vân | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 23 | Phạm Thị Như Quỳnh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 24 | Phạm Thị Hương Trà | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 25 | Trần Nhật Vũ | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 26 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 27 | Lưu Thị Minh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 28 | Lê Văn Giang | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 29 | Thịnh Văn Lưu | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 30 | Lê Thị Thơm | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 31 | Đoàn Thị Kiều Huế | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 32 | Mai Thị Hồng Minh | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 33 | Đinh Quốc Trưởng | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 34 | Lương Văn Loan | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 35 | Nguyễn Thị Chung | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 36 | Lê Thị Ngọc | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 37 | Đặng Văn Đông | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 38 | Phạm Thị Thúy | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 39 | Tăng Thị Hiền | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 40 | Nguyễn Thị Thủy | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 41 | Nguyễn Thị Nga | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 42 | Nguyễn Văn Tiên | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 43 | Trần Thị Xuân Hương | Giáo viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 44 | Chúc Thị Hải | Văn Thư | Ủy viên Hội đồng |  |
| 45 | Bùi Thị Thanh Hà | Kế toán | Ủy viên Hội đồng |  |
| 46 | Bùi Thị Huế | Y Tế | Ủy viên Hội đồng |  |
| 47 | Nguyễn Huy Long | Nhân Viên | Ủy viên Hội đồng |  |
| 48 | Phạm Đình Hải | Nhân Viên | Ủy viên Hội đồng |  |

ĐẮK NÔNG - 2022

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| **Mục lục** | **1** |
| **Danh mục các chữ viết tắt** | **4** |
| **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá** | **6** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **8** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **15** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **15** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **18** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **18** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **18** |
| **Mở đầu** | **18** |
| **Tiêu chí 1.1** | **18** |
| **Tiêu chí 1.2** | **20** |
| **Tiêu chí 1.3** | **21** |
| **Tiêu chí 1.4** | **24** |
| **Tiêu chí 1.5** | **26** |
| **Tiêu chí 1.6** | **28** |
| **Tiêu chí 1.7** | **29** |
| **Tiêu chí 1.8** | **31** |
| **Tiêu chí 1.9** | **32** |
| **Tiêu chí 1.10** | **34** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **36** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **36** |
| **Mở đầu** | **36** |
| **Tiêu chí 2.1** | **37** |
| **Tiêu chí 2.2** | **39** |
| **Tiêu chí 2.3** | **42** |
| **Tiêu chí 2.4** | **43** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **45** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **45** |
| **Mở đầu** | **45** |
| **Tiêu chí 3.1** | **45** |
| **Tiêu chí 3.2** | **47** |
| **Tiêu chí 3.3** | **49** |
| **Tiêu chí 3.4** | **50** |
| **Tiêu chí 3.5** | **52** |
| **Tiêu chí 3.6** | **53** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **55** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **55** |
| **Mở đầu** | **55** |
| **Tiêu chí 4.1** | **56** |
| **Tiêu chí 4.2** | **57** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **59** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **60** |
| **Mở đầu** | **60** |
| **Tiêu chí 5.1** | **60** |
| **Tiêu chí 5.2** | **62** |
| **Tiêu chí 5.3** | **63** |
| **Tiêu chí 5.4** | **65** |
| **Tiêu chí 5.5** | **67** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **69** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**  | **69** |
| **Tiêu chí 1** | **69** |
| **Tiêu chí 2** | **70** |
| **Tiêu chí 3** | **70** |
| **Tiêu chí 4** | **71** |
| **Tiêu chí 5** | **72** |
| ***Kết luận*** | **72** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **72** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **74** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | ANTT | An ninh trật tự |
| 3 | BGH | Ban giám Hiệu |
| 4 | Bộ GD&ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 5 | CB | Cán bộ |
| 6 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 7 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 8 | CMNV | Chuyên môn nghiệp vụ |
| 9 | CNH-HĐH | Công nghiệp hóa - hiện đại hóa |
| 10 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 11 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 12 | CTCĐ | chủ tịch công đoàn |
| 13 | ĐTNTPHCM | Đội Thiếu Niên tiền phong Hồ Chí Minh |
| 14 | GV | Giáo Viên |
| 15 | HĐSP | Hội đồng sư phạm |
| 16 | HS | Học Sinh |
| 17 | QSD Đ | Quyền sử dụng đất |
| 18 | SGK | Sách giáo khoa |
| 19 | TBDH | Thiết bị dạy học |
| 20 | TH | Tiểu học |
| 21 | THCS | Trung Học cơ sở |
| 22 | TPT | Tổng phụ trách |
| 23 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 24 | XHHGD | Xã hội hóa giáo dục |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  Tiêu chí 1 |  | X |  |
|  Tiêu chí 2 | X |  |  |
|  Tiêu chí 3 |  | X |  |
|  Tiêu chí 4 | X |  |  |
|  Tiêu chí 5 | X |  |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN ĐÌNH PHÙNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: UBND HUYỆN ĐĂK R'LẤP

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK NÔNG |  | Họ và tênhiệu trưởng | Lê Trọng Quỳnh |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Đắk R'lấp |  | Điện thoại  | 0911334797 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Đắk Wer |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website |  |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2000 |  | Số điểm trường | 3 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** |
| Khối lớp 1 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 2 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 3 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 4 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 5 | 4 | 4 | 5 | 5 | 5 |
| **Cộng** | 20 | 20 | 25 | 25 | 25 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 24 | 24 | 30 | 30 | 30 |  |
| 1 | Phòng học | 22 | 22 | 28 | 28 | 28 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 14 | 14 | 20 | 20 | 20 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 2 | 2 | 5 | 5 | 5 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 2 | 2 | 5 | 5 | 5 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Giáo viên | 40 | 31 | 0 | 5 | 35 | 0 |  |
| Nhân viên | 6 | 4 | 0 | 4 | 2 | 0 |  |
| **Cộng** | 48 | 35 | 0 | 9 | 39 | 0 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 30 | 30 | 39 | 39 | 40 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1.5 | 1.5 | 1.56 | 1.56 | 1.6 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.044 | 0.042 | 0.049 | 0.049 | 0.048 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 8 | 9 | 9 | 9 | 9 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 5 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  | 0 |  | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 676 | 713 | 796 | 795 | 821 |  |
| *- Nữ* | 320 | 332 | 382 | 372 | 395 |  |
| *- Dân tộc* | 196 | 210 | 201 | 206 | 217 |  |
| *- Khối lớp 1* | 154 | 159 | 147 | 160 | 172 |  |
| *- Khối lớp 2* | 140 | 144 | 175 | 148 | 157 |  |
| *- Khối lớp 3* | 123 | 140 | 174 | 163 | 157 |  |
| *- Khối lớp 4* | 147 | 125 | 157 | 165 | 165 |  |
| *- Khối lớp 5* | 112 | 145 | 143 | 159 | 170 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 157 | 162 | 146 | 166 | 168 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 686 | 713 | 796 | 795 | 821 |  |
| 4 | Bán trú | 385 | 410 | 425 | 0 | 368 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 34 | 35 | 32 | 32 | 33 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 680=99% | 710=99% | 792=99% | 793=99% | 806=98,2% |  |
| *- Nữ* | 318=99,3% | 330=99,2% | 379=99,2% | 370=99,5% | 386=98% |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 195=99,5% | 208=99% | 200=99,5% | 205=99,5% | 208=96% |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 65 | 75 | 67 | 78 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 106 | 97 | 95 | 108 | 130 |  |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  | 0 |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** | **Năm học2021-2022** | **Năm học2022-2023** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100 | 100 | 100 | 100 | 99.5 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 98.6 | 98 | 98.5 | 98.7 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 0 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 0 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

 1. Tình hình chung của nhà trường

 Trường Tiểu học Phan Đình Phùng được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-UB, ngày 22 tháng 11 năm 2000, được tách ra từ trường Tiểu học Lê Đình Chinh xã Nhân Cơ huyện Đăk Rlấp. Hiện nay, trường nằm tại thôn 7 của trung tâm xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông. Người dân đa số sản xuất nông nghiệp còn lại chăn nuôi, trồng hoa màu và buôn bán nhỏ. Đời sống kinh tế của nhân dân so với mức sống hiện nay của toàn xã tương đối ổn định. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND xã, nền kinh tế của xã từng bước phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân cũng từng bước được nâng lên. Công tác huy động trẻ đến trường hàng năm đều đạt chỉ tiêu, tình trạng lưu ban, bỏ học được giảm dần hằng năm. Chất lượng giáo dục được từng bước nâng lên và trường được UBND tỉnh Đăk Nông công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2012.

 Trường có tập thể CBQL, GV, NV đều đạt chuẩn. Công tác chỉ đạo, điều hành của CBQL nhà trường khá sâu sát với hoạt động dạy và học của giáo viên; Đa số giáo viên có trình độ, năng lực và ý thức cao, có tay nghề khá vững vàng, 100% giáo viên được xếp loại tay nghề chuyên môn nghiệp vụ từ khá trở lên, các đoàn thể trong nhà trường có sự phối hợp tốt, đoàn kết nhất trí cao trong thực hiện công việc được giao. Mạng lưới trường lớp được bổ đều trên các ấp thuận tiện cho việc huy động học sinh đến trường. CSVC, trang thiết bị phục vụ cho dạy - học được cấp trên đầu tư và trang bị đầy đủ nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của giáo viên và việc học của học sinh. Đa số học sinh ngoan có ý thức trong học tập. Năm học 2022-2023, trường có tổng số 48 CB, NV, GV. Trong đó có 40 giáo viên trực tiếp giảng dạy, có 35 giáo viên đạt chuẩn chiếm 87.5%. Tổng số học sinh là 821 em được chia thành 25 lớp. Trường có chi bộ Đảng gồm 29 Đảng viên, Chi bộ liên tục đạt cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Hội cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần đưa nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Các ban ngành đoàn thể ở địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, BĐD CMHS nhiệt tình trong việc đóng góp công sức, tiền của để xây dựng và cải tạo CSVC. Từ đó hoạt động dạy và học đã từng bước đi vào ổn định và có nề nếp. Quy mô cũng như chất lượng dạy và học cũng ngày càng được nâng cao hơn.

 Để đáp ứng với xu thế hội nhập của ngành giáo dục và sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân địa phương. Chính vì vậy, trong năm học 2022– 2023 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Ban lãnh đạo nhà trường đã phổ biến Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và các văn bản liên quan khác đến cán bộ giáo viên, phụ huynh, học sinh toàn trường. Qua đó cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Trên cơ sở thông suốt về mặt nhận thức, nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường. Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong Kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì nếu nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, nhà trường sẽ xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo từng tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục.

 2. Mục đích TĐG

 Mục đích của tự đánh giá: Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý giáo dục về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà nhà trường được nâng cao.

 Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường tự xem xét, kiểm tra để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; giải trình với cơ quan chức năng, với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục và để cơ quan chức năng đánh giá, công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

 Sau khi được tập huấn, tiếp nhận các văn bản hướng dẫn về công tác kiểm định chất lượng, trường đã thực hiện quy trình tự đánh giá như sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên do Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng, Phó Hiệu trưởng làm phó Chủ tịch hội đồng và tất cả các tổ trưởng làm thành viên. Hội đồng tự đánh giá của nhà trường thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo của Cục Quản lý chất lượng ban hành hướng dẫn xác định nội hàm (yêu cầu) và gợi ý tìm minh chứng. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch, quy trình tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn; việc tiến hành thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn quy định. Hội đồng tự đánh giá thực hiện một cách khoa học, dân chủ, khách quan, trung thực, công khai.

 Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định chỉ có giá trị khi ít nhất 2/3 thành viên trong Hội đồng nhất trí.

 Công tác tự đánh giá của nhà trường bắt đầu từ ngày 17/11/2021 và hoàn thành vào ngày 20/11/2022. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, BGH tranh thủ sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện, lãnh đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đội ngũ CB-GV-NV nhà trường nhận thức rất đúng đắn về công tác KĐCLGD nên đã dành nhiều thời gian ngoài giờ hành chính để hoàn thành nhiệm vụ trường giao.

 Công tác TĐG được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng TĐG của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, CSVC, nguồn tài chính cần huy động. Công việc thu thập các thông tin minh chứng cho từng tiêu chí được Hội đồng thực hiện đúng kế hoạch, nhờ đó mà tiến độ và chất lượng công việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, lập bảng mã và hộp thông tin minh chứng, Hội đồng TĐG đã hoàn thiện báo cáo đúng thời gian dự kiến trong kế hoạch.

 Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo TĐG còn đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và đặc biệt một nội dung rất quan trọng, rất cần thiết trong mỗi tiêu chí đó là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, ngắn gọn, rõ ràng và có tính khả thi.

 Bên cạnh đó, trường đã phổ biến chủ trương tự đánh giá đến từng cán bộ giáo viên; tiến hành giới thiệu các văn bản, các tiêu chuẩn và tiêu chí, kế hoạch, động viên mọi người tham gia tìm hiểu về tự đánh giá chất lượng giáo dục và cùng cung cấp thông tin, minh chứng. Bằng sự nổ lực, quyết tâm và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tự đánh giá, bản Báo cáo TĐG của trường đã cơ bản hoàn thành, đó là sự tập trung trí tuệ cao cho một công trình khoa học của tập thể, đã đánh dấu bước quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

 Thực hiện sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, trường đã tiến hành nghiên cứu, phân tích kỹ từng tiêu chuẩn, tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng ban hành kèm theo Thông tư Số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 về ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học:

 1/ Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

 2/ Lập kế hoạch tự đánh giá

 3/ Thu thâp, xử lý và phân tích các minh chứng.

 4/ Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

 5/ Viết báo cáo tựu đánh giá.

 6/ Công bố báo cáo tự đánh giá.

 7/ Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

 Qua quá trình tìm hiểu, phân tích, minh chứng đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí, nhà trường đã tìm ra được và chỉ cho từng bộ phận thấy rõ những điểm mạnh, điểm yếu và hướng khắc phục để phát huy và tự hoàn thiện mình.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

 Việc tổ chức và quản lý của Trường Tiểu học Phan Đình Phùng rất chặt chẽ theo đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Điều lệ trường Tiểu học. Đã thành lập các hội đồng: Hội đồng thi đua khen thưởng; thành lập các tổ chuyên môn (6 tổ chuyên môn) và tổ văn phòng; có Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, có Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Sao nhi đồng cùng các tổ chức xã hội khác. Các Hội đồng, tổ chức đoàn thể đều hoạt động sôi nổi, hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình.Trường có đầy đủ phòng học và các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, có 25 lớp học 2 buổi/ngày. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý. Có đầy đủ giáo viên dạy các môn chuyên ngành: Tiếng anh, mỹ thuật, âm nhạc, thể dục. Mỗi lớp đều có Hội đồng tự quản. Bộ máy tổ chức của trường luôn phát huy hiệu quả, đẩy mạnh mọi hoạt động giảng dạy và các phong trào nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học. Định kỳ có tổ chức đánh giá, nhận xét rút kinh nghiệm ở từng khối cùng với sự tham gia của Ban giám hiệu nhà trường. Ngoài việc phân công hợp lý đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học, Trường còn tăng cường thêm các đầu mối hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Tổ chức và quản lý nhà trường đạt yêu cầu theo quy định. Bao gồm cơ cấu tổ chức bộ máy; số khối lớp học; các Hội đồng; các tổ chuyên môn môn; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và kế hoạch nâng cao bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp cụ cho giáo viên và nhân viên.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

 Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trường đã xây dựng được chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 bằng các văn bản được công khai trong các tổ chức, đoàn thể, chiến lược đã được phòng GD - ĐT phê duyệt. Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01]. Nhà trường luôn chú trọng trong công tác phát triển nhà trường ngay từ đầu năm đã xây dựng kế hoạch năm học [H1-1.1-02], Biên bản kí kết thi đua giữa công đoàn và nhà trường [H1-1.1-03], Hằng tháng nhà trường đều lên kế hoạch ra nghị quyết thực hiện trong tháng [H1-1.1-04], Các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-05]

 Trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển theo giai đoạn. Kế hoạch phù hợp mục tiêu giáo dục tiểu học được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường. Sổ nghị quyết và kế hoạch công tác được ghi chép rõ ràng, cụ thể***.***

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đã được nhà trường tổ chức công bố và triển khai đến tất cả CB, GV, NV của nhà trường bằng cách niêm yết tại văn phòng nhà trường. Sổ nghị quyết và nghị quyết HĐSP [H1-1.1-04], Văn bản bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

 Mức 2:

 Hằng năm, nhà trường đều phân công các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển theo kế hoạch chung. Sổ nghị quyết họp hội đồng trườngvà Nghị quyết HĐSP [H1-1.1-04]

 Mức 3:

 Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, CMHS, để tập hợp ý kiến rộng rãi, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**3. Điểm yếu**

  Văn bản chiến lược chưa được công bố rộng rãi trên các phương  tiện thông tin đại chúng, điều kiện kinh tế địa phương còn khó khăn nên khả năng huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế vì vậy ảnh hưởng đến việc dạy và học 2 buổi/ngày và chưa sửa chữa kịp thời phù hợp với yêu cầu thực tế của nhà trường.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Công khai bản dự thảo phương hướng chiến lược trong phụ huynh, cộng đồng, lãnh đạo đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, ban ngành để lấy ý kiến góp ý rộng rãi. Tham mưu với chính quyền địa phương tạo điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện tốt nhất trong việc dạy và học.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua việc sơ kết, tổng kết sau mỗi học kỳ và cuối năm học. Từ đó kịp thời phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu góp phần nâng lên chất lượng các Hội đồng và các mặt hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường có thành viên trong đó hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng [H1-1.2-01],  Hội đồng thi đua khen thưởng trong đó Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng [H1-1.2-02], Quyết định thành lập hội đồng tư vấn [H1-1.2-03], Danh sách CB-GV-CNV trong nhà trường hằng năm [H1-1.2-04], Quy chế hoạt động của hội đồng trường [H1-1.2-05]

 HĐTĐ-KT giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị khen thưởng đối với CB, GV, NV, HS nhà trường; Hội đồng nâng lương, xét nâng lương và phụ cấp thâm niên nghề kịp thời để đảm bảo chế độ chính sách cho CB, GV, NV; Hội đồng chấm sáng kiến thực hiện nhiệm vụ thẩm định sáng kiến theo quy định, đảm bảo minh bạch, công bằng, chính xác. Hội đồng thi đua khen thưởng 16 thành viên trong đó Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng [H1-1.2-01]

 Mức 2:

 Trong các năm học qua, Hội đồng trường và các Hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hội đồng trường và các thành viên trong Hội đồng khác luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, phối hợp kịp thời có ý kiến đề xuất, góp ý và đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đội ngũ trong nhà trường. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng trường hoạt động chưa đều tay, chưa tích cực nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của các cấp, nên ảnh hưởng đến kết quả công tác. Một số cuộc họp của Hội đồng trường chưa được tách riêng mà lồng ghép chung với sinh hoạt chuyên môn nên thời gian thảo luận bị hạn chế.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có các cơ cấu tổ chức bộ máy thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động nhà trường.

 Các tổ chức đoàn thể, các Hội đồng nhà trường hoạt động đúng chức năng, có hiệu quả.

 **3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên còn ngại tham gia các phong trào thi đua.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Công đoàn phối hợp với chuyên môn trường động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho một số giáo viên mạnh dạn tham gia các phong trào.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có tổ chức Chi bộ với 29 đảng viên, trong Đại hội đã bầu ra Chi ủy gồm 3 đồng chí (trong đó 01 bí thư chi bộ, 01 phó bí thư chi bộ, 01 chi ủy viên) có quyết định chuẩn y chi ủy, chi bộ, danh sách đảng viên và kết quả đánh giá đảng viên cuối năm [H1-1.3-01]. Nhà trường có tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên TPHCM đã thực hiện các hoạt động tập thể và các phong trào thi đua, các chương trình hoạt động do Hội đồng đội huyện tổ chức.Dưới sự dẫn dắt của TPT đội có biên bản đại hội liên đội, quyết định bổ nhiệm TPT đội và kết quả xếp loại của liên đội hằng năm [H1-1.3-02]. Nhà trường còn có Công đoàn cơ sở gồm 48 công đoàn viên, trong Đại hội đã bầu ra BCH công đoàn gồm 3 người có quyết định chuẩn y (trong đó 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 01 ủy viên).

 Tất cả thống nhất và thực hiện theo nghị quyết công đoàn, Kế hoạch công đoàn và được đánh giá xếp loại hằng năm [H1-1.3-03].

 Hằng tháng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá quá trình hoạt động để điều chỉnh, bổ sung giải pháp, xây dựng kế hoạch cho những tháng tiếp theo. Cuối mỗi năm học, nhà trường tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động để có biện pháp chỉ đạo các đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong năm học tới.

 Mức 2:

 Nhà trường có Chi bộ lãnh đạo và sinh hoạt trực thuộc Đảng ủy xã Đăk Wer. Tổng số đảng viên của chi bộ 29/48 CB, GV, NV chiếm tỉ lệ 60,5%, trong đó có 29 đảng viên chính thức. Ban chi ủy có 03 đồng chí, Chi bộ tổ chức Đại hội theo quy định và ban hành Nghị quyết Đại hội kịp thời.

 Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường trong các năm qua đều phối hợp chặt chẽ với nhau tạo sự đồng thuận thống nhất cao, luôn có đóng góp tích cực cho các hoạt động nhà trường thể hiện qua báo cáo tổng kết để qua đó đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm theo [H1-1.1-05]

Mức 3:

 Chi bộ nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Chi bộ lãnh đạo Chính quyền, các đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ về chuyên môn.

 Giấy khen của tổ chức Đảng cấp trên công nhận [H1-1.3-01]

 Hằng quý, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đã tham gia tích cực vào việc góp ý xây dựng phương hướng, kế hoạch, tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường. Công đoàn đã thực hiện tốt vai trò tuyên truyền chính sách pháp luật, giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công đoàn. Đoàn Thanh niên đã thực hiện có hiệu quả việc góp ý cho đảng viên trong chi bộ; đi đầu và gương mẫu trong các hoạt động của nhà. Nhà trường đã tạo điều kiện để công đoàn, chi đoàn và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đóng góp hiệu quả trong việc phát động phong trào thi đua; nâng cao chất lượng dạy và học; tổ chức có hiệu quả các hoạt động trong và NGLL, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có các cơ cấu tổ chức bộ máy thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động nhà trường.

 Nhà trường có Chi bộ Đảng với 29 đảng viên đây là một điều kiện thuận lợi để lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

 Các tổ chức đoàn thể, các Hội đồng nhà trường hoạt động đúng chức năng, có hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên, công nhân viên chưa có nhà cửa ổn định nên còn khó khăn trong công tác.

 Do địa bàn công tác nên một số giáo viên nhà ở xa, đi lại còn nhiều khó khăn

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ Đảng đối với các tổ chức đoàn thể và công tác dạy và học.

 Duy trì và phát huy tốt những điểm mạnh đã đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế về việc chỉ đạo các tổ chức như: Chi hội khuyến học phải  làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, cha mẹ học sinh ủng hộ tài chính, CSVC cho nhà trường nhằm phục vụ hiệu quả công tác dạy và học và hoạt động khuyến học khuyến tài trong đơn vị.

 Quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt hơn, kiên quyết đưa ra khỏi vị trí lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể những đồng chí chưa nhiệt tình, thiếu trách nhiệm, hiệu quả công việc chưa cao.

 **5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng [H1-1.4-01], phó hiệu trưởng [H1-1.4-02], Quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1.4-03], Kế hoạch và biên bản hoạt động của chuyên môn và tổ chuyên môn [H1-1.4-04], Kế hoạch và biên bản hoạt động của tổ văn phòng [H1-1.4-05], Hồ sơ chuyên đề [H1-1.4-05]

 Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng thành lập đầy đủ các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng, theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. Năm học 2022-2023 trường có 7 tổ chuyên môn gồm: Tổ Khối 1; Tổ Khối 2; Tổ Khối 3; Tổ Khối 4; Tổ Khối 5, Tổ Anh văn và Tổ văn phòng [H1-1.4-03]. Các Tổ khối đều có đầy đủ tổ trưởng và tổ phó, được HT ra quyết định bổ nhiệm kịp thời. Tổ văn phòng có các NV như: TPT Đội, Kế toán - Văn thư, Thủ quỹ, y tế, Thư viện -Thiết bị và Bảo vệ.

 Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch nhà trường, kế hoạch của chuyên môn, xây dựng kế hoạch hoạt động chung từ đầu năm học, xây dựng kế hoạch theo tuần, tháng, năm với các nội dung công việc cụ thể và được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với từng tổ, hàng tháng được BGH duyệt. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường Tiểu học. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kì 2 lần/tháng và họp đột xuất khi có nhu cầu công việc, nội dung họp khá phong phú, đa dạng như: đánh giá, nhận xét qua dự giờ thăm lớp, tổ chức các chuyên đề về phương pháp giảng dạy các môn học hoặc trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng cho học sinh, thảo luận thống nhất chương trình những bài khó dạy trong tuần bằng các tiết chuyên đề cấp trường, tổ [H1-1.4-06]. Hàng tháng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có đánh giá việc thực hiện kế hoạch, rút kinh nghiệm ưu điểm, tồn tại và đề ra phương hướng hoạt động cho tháng sau. Mỗi cuộc họp đều được ghi biên bản trong sổ Nghị quyết của tổ.

Mức 2:

 Hàng năm, chuyên môn và tổ chuyên môn đều xây dựng 1 đến 2 chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và triển khai trong toàn trường. Các chuyên đề được đề xuất sát với thực tiễn và nhu cầu của công tác chuyên môn của nhà trường giúp giáo viên trao đổi, rút ra kinh nghiệm, thực hiện trong công tác giảng dạy của bản thân, giúp học sinh tự tin, tích cực tham gia các hoạt động học tập góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Cuối tháng, trường tổ chức kiểm tra việc xây dựng và triển khai kế hoạch của các tổ, những mặt tồn tại nghiêm túc rút kinh nghiệm, tìm nguyên nhân khắc phục. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt theo định kì, có sơ kết học kì và tổng kết cuối năm nhằm rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp và đạt chỉ tiêu theo kế hoạch. Kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, học kỳ, năm học [H1-1.4-04].

Mức 3:

 Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Các tổ có kế hoạch hoạt động năm, tháng và có cụ thể theo tuần của tổ phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường. Các tổ chuyên môn đều thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục; có kiểm tra, dự giờ thăm lớp, ký duyệt hồ sơ của các thành viên trong tổ; hàng tháng tổ họp đánh giá hoạt động của tổ, triển khai công tác tháng tới và bình xét thi đua định kỳ giữa kỳ, cuối kỳ; có tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Tổ văn phòng đã tổ chức cho các thành viên hoạt động hiệu quả, giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lí tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo chế độ quy định.

 Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường; Hoạt động của tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

 Ban giám hiệu gồm có 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn - cơ sở vật chất cho nhà trường, làm việc công bằng, hiệu quả.

 Đầu năm, nhà trường đã phân công nhiệm vụ gồm có 7 tổ chuyên môn cùng phối hợp hoạt động với nhà trường.

 Các tổ chuyên môn có tổ trưởng - tổ phó là những người giỏi về CMNV có khả năng bồi dưỡng CMNV cho các thành viên trong tổ, mỗi tổ với số lượng thành viên đông có điều kiện để hỗ trợ nhau trong các hoạt động chung của tổ, tổ sinh hoạt đều đặn đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

 Tổ văn phòng: có 06 thành viên, mỗi thành viên phụ trách mỗi lĩnh vực công việc khác nhau, không phải là công tác kiêm nhiệm nên có điều kiện phát huy khả năng, năng lực chuyên môn của bản thân.

**3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên do năng lực hạn chế, ý thức tự học tự rèn chưa tốt cho nên chất lượng bồi dưỡng chuyên môn của tổ kết quả đạt được chưa cao.

 Tổ văn phòng: Mỗi thành viên phụ trách mỗi lĩnh vực công việc khác nhau nên công tác quản lý chỉ đạo chung còn hạn chế, không sát sao, cụ thể.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cần bồi dưỡng, tuyển chọn, bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn là những người có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, có khả năng bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong khối nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên. Có biện pháp hỗ trợ tổ trưởng chuyên môn trong việc bồi dưỡng CMNV cho những giáo viên còn non yếu.

 Tổ trưởng tổ văn phòng cần tìm hiểu thêm chuyên môn của mỗi thành viên trong tổ để có kế hoạch chỉ đạo sát sao, cụ thể hơn.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

 b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

 b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

 c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trong 5 năm học vừa qua, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 mỗi năm trường đều có đủ các khối lớp học từ lớp 1 đến lớp 5. Năm học 2022-2023 trường có 25 lớp với 821 học sinh. Cụ thể như sau: Khối lớp Một có 5 lớp, khối lớp Hai có 5 lớp, khối lớp Ba có 5 lớp, khối lớp Bốn có 5 lớp và khối lớp Năm có 5 lớp.

 Sổ đăng bộ, Sổ theo dõi sĩ số học sinh,Thống kê số lớp, học sinh từng năm học [H1-1.5-01], Biên bản bình bầu ban cán sự của lớp hằng năm [H1-1.5-02], Các lớp học của nhà trường được tổ chức theo quy định. Mỗi lớp đều có Lớp trưởng, lớp phó. Mỗi lớp học được chia thành các nhóm. Mỗi nhóm có nhóm trưởng và nhóm phó do HS trong nhóm bầu hoặc do GVCN lớp chỉ định luân phiên trong năm học theo quy định tại khoản 2, Điều 17, Điều lệ trường Tiểu học, Sổ chủ nhiệm, Kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy [H1-1.5-03]

 Các lớp học của nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tự quản. Các em được học tập trên tinh thần tự quản, được tham gia các hoạt động giáo dục, được quyền đưa ra ý kiến của mình cùng bạn bè trao đổi để tiếp thu kiến thức một cách chủ động. Hình thức tổ chức dạy học chú trọng nguyên tắc tự chủ, đề cao vai trò tự học, tôn trọng sự sáng tạo của học sinh.

Mức 2:

 Các lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường từng năm. Năm học 2022-2023, trường có tất cả 25 lớp, trong đó có 25 lớp học 2 buổi/ngày đạt 100%.

 Nhà trường thực hiện biên chế số lượng học sinh bình quân toàn trường là 33em/ lớp đảm bảo theo qui định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01]

 **2. Điểm mạnh**

 Trường đủ 5 khối lớp, mỗi lớp có Ban cán sự là Lớp trưởng - Lớp phó phụ trách lĩnh vực văn nghê, học tập các lớp được chia thành các tổ, có các tổ trưởng, tổ phó được tập thể lớp bình bầu theo tháng, theo kỳ của năm học vì vậy đã tạo điều kiện và thúc đẩy sự cố gắng vươn lên của các em học sinh.

**3. Điểm yếu**

 Một số lớp có số lượng học sinh khá đông, sĩ số từ 35 - 38 học sinh.

 Một số học sinh đi học từ nhà đến trường còn xa, từ 3-8 km.

 Một số học sinh đồng bào dân tộc thiểu số còn chưa tự giác đến trường.

 Do trường có 3 điểm trường nên việc bố trí học sinh giữa các lớp chưa được đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng thêm phòng học để các khối lớp bảo đảm tỷ lệ học sinh/lớp theo quy định.

 Phối kết hợp với phụ huynh trong việc học của con cái, đảm bảo duy trì việc đến lớp thường xuyên. Quan tâm đến đối tượng là học sinh đồng bào dân tộc thiểu số

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đầy đủ hồ sơ sổ sách để phục vụ cho hoạt động GD theo quy định tại Điều 30 Điều lệ trường Tiểu học gồm: Sổ đăng bộ; Sổ PCGDTH; Học bạ; Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh; Sổ Nghị quyết; Sổ quản lý CB, GV, NV; Danh sách khen thưởng GV, HS; Sổ quản lý tài sản tài chính; Sổ quản lý công văn đi, đến. Hệ thống hồ sơ được lưu trữ đúng theo thông tư 07/2012/TT-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2012 về hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan. Tuy nhiên công tác cập nhật các công văn đi, lưu trữ công văn đi-đến đôi lúc chưa đầy đủ và khoa học.

Sổ quản lý tài sản, tài chính, dự toán ngân sách giao hằng năm, báo cáo quyết toán theo quý và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được kế toán nhà trường thực hiện đúng theo quy định của bộ tài chính [H1-1.6-01]

 Trên cơ sở kinh phí được UBND huyện cấp hằng năm, nhà trường xây dựng dự toán thu, chi gửi cấp trên phê duyệt, tiến hành họp công khai dự toán. Sau đó, tổ chức cho tập thể tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung hằng năm. Hằng quý, trường tiến hành công khai tài chính; cuối năm học và năm tài chính trường tổ chức kiểm tra tài chính, tài sản của đơn vị. Công tác thu, chi, quyết toán, báo cáo tài chính, CSVC được tiến hành đúng theo quy định hiện hành của nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H1-1.6-01]

 Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

 Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Sổ quản lý tài sản, tài chính Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H1-1.6-01]

 Kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm toán có đánh giá về các nội dung có liên quan [H1-1.6-02]

Mức 3:

 Biên bản kết luận của các cấp có thẩm quyền về việc sử dụng các nguồn ngân sách [H1-1.6-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định, lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật lưu trữ.

 Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước.

 Đã bổ sung tủ để phục vụ việc lưu trữ các loại hồ sơ sổ sách, các văn bản.

**3. Điểm yếu**

 Nghiệp vụ văn thư chưa được tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ nên việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, văn bản cần có sự rõ ràng hơn, khoa học hơn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn để nhân viên văn thư làm tốt hơn việc lưu trữ hồ sơ, sổ sách, các văn bản.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Kế hoạch Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được xây dựng đầy đủ phù hợp với trình độ, năng lực công tác, đặc điểm tình hình và điều kiện về CSVC của nhà trường. Trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học các lớp đào tạo từ xa, các lớp tập huấn do ngành tổ chức, 100% giáo viên học tập chính trị hè và tiếp thu Nghị quyết của các cấp. Tuy nhiên, công tác tự học, tự bồi dưỡng của một số giáo viên chưa thường xuyên nên hiệu quả áp dụng vào công tác giảng dạy đôi lúc chưa cao. Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm [H1-1.7-01], Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-02]

 Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm [H1-1.7-03], Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng, Danh sách khen thưởng của học sinh hằng năm [H1-1.7-04]

 Nhà trường thực hiện việc quản lý và sử dụng cán bộ công chức - viên chức trong đơn vị đúng Luật Công chức; Luật Viên chức. Phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng cho từng viên chức theo đúng chức danh nghề nghiệp, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo đạt hiệu quả các hoạt động GD của nhà trường theo quy định tại Điều 6 của Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng BGDĐT.

Mức 2:

 Nhà trường đã có những giải pháp tối ưu để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ tham gia ý kiến trong việc xây dựng và triển khai các loại kế hoạch; tạo môi trường làm việc bình đẳng, tạo động lực để đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chức cho giáo viên tham gia viết sáng kiến, tham luận về việc nâng cao chất lượng của nhà trường.

 Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm [H1-1.7-01], Kế hoạch hoạt động của nhà trường, Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường điều được lưu giữ đầy đủ.

 **2. Điểm mạnh**

 Trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lí các hoạt động giáo dục và quản lí học sinh theo điều lệ trường tiểu học. Thực hiện theo quy định của BGD-ĐT và các cấp có thẩm quyền.

**3. Điểm yếu**

 Việc đề bạt, bổ nhiệm còn phụ thuộc vào cấp trên nên đôi khi vẫn chưa thể hiện được sự công khai.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Cấp trên cần tham mưu trong việc thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm theo quy định của luật lao động, luật cán bộ công chức, viên chức và công khai kết quả ngay khi lấy phiếu tín nhiệm

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhằm để thực hiện đạt mục tiêu giáo dục cũng như mục tiêu của nhiệm vụ năm học, trong công tác quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học đã đề ra nhiệm vụ cụ thể như: Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp. Đối với hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp: 100% giáo viên làm công tác giảng dạy đều có kế hoạch dạy học, được lãnh đạo trường kiểm duyệt 01 tháng/ lần và còn thường xuyên dự giờ, thăm lớp để nắm tình hình giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh. Đối với hoạt động ngoài giờ lên lớp: phó hiệu trưởng và TPT Đội xây dựng kế hoạch cụ thể theo năm học, theo từng chủ điểm và được phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên như: TPT Đội, GVCN, GV dạy bộ môn, nhân viên tham gia thực hiện để tổ chức các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí chào mừng các ngày lễ lớn, mừng Đảng, mừng xuân mới, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo,… Từ đó đã tạo được bầu không khí vui tươi, thoải mái khi học sinh đến trường và cũng làm hạn chế học sinh bỏ học giữa chừng.

 Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lí các hoạt động giáo dục, có kế hoạch giáo dục[H1-1.8-01] và hồ sơ hoạt động giáo dục nhà trường đầy đủ. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.8-02], Báo cáo tổng kết năm học hằng năm [H1-1.1-03]

 Kế hoạch tổ chức dạy học theo đúng chương trình của Bộ GD-ĐT. Dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục như: hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua các môn trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học; hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, hoạt động bảo vệ môi trường. Các hoạt động có kế hoạch chỉ đạo thực hiện và có đánh giá thường xuyên.

 Hàng tháng và hàng kì, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch.Trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung chưa thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra. Trong từng giai đoạn thực hiện trường tổ chức đánh giá và rút kinh nghiệm để thực hiện có hiệu quả hơn.

Mức 2:

 Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả: Biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; quản lí chất lượng dạy học của giáo viên; chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề, thao giảng; chỉ đạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn; phát động các phong trào thi đua cho giáo viên trong nhà trường [H1-1.8-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lí các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

 Do một số công văn cấp trên cập nhật liên tục nên việc triển khai kế hoạch đầu năm của nhà trường có sự thay đổi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Cần có sự kết hợp giữa các ban ngành để việc thực hiện kế hoạch có sự xuyên suốt.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng Quy chế dân chủ trong hoạt động trường học theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức tại Hội nghị công chức, viên chức vào đầu năm học. Trường xây dựng các quy chế thực hiện dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức thực hiện các hoạt động công khai, lấy ý kiến đóng góp của CB-GV-NV.

 Nhà trường, các cá nhân, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều thực hiện tốt các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ [H1-1.9-01], trong hoạt động của nhà trường như: Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức [H1-1.1-02], Công khai minh bạch trước hội đồng nhà trường, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-03], Kế hoạch và các biên bản giám sát của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-04], Báo cáo của Công đoàn [H1-1.3-06], Hồ sơ tiếp công dân [H1-1.9-05], Quy chế chuyên môn [H1-1.9-06], Sổ nghị quyết và kế hoạch công tác, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường, Hồ sơ và các biểu thống kê công khai của nhà trường [H1-1.3-06]

 Dựa vào quy chế và căn cứ vào kết quả thực hiện dân chủ tại đơn vị, hằng năm, trường đều tổ chức tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường được thông qua trước tập thể hội đồng sư phạm và được gửi đến các cấp quản lý chủ.

Mức 2:

 Trường đã xây dựng được các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch hàng tháng và hiệu quả, cụ thể: Thành lập được ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ triển khai tất cả các văn bản của các cấp từ Trung ương đến địa phương về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cho toàn thể CB-GV-NV. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện những yếu kém tồn tại trong quá trình thực hiện, tham mưu kịp thời cho Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ để điều chỉnh về những giải pháp thực hiện.

 Công khai minh bạch trước hội đồng nhà trường, Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-04], Báo cáo của Công đoàn [H1-1.3-06]. Sổ nghị quyết và kế hoạch công tác, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Công tác tổng hợp báo cáo thường xuyên đầy đủ, đảm bảo tính chính xác.

 Cập nhật và xử lý các Công văn đến kịp thời đúng thời gian quy định.

**3. Điểm yếu**

 Việc ứng dụng công nghệ thông tin có sự đổi mới, song đạt hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; Lập sổ công tác và ghi nhận các loại báo cáo cần thực hiện trong tuần, trong tháng, trong học kỳ để không quên và không bỏ sót bất cứ một báo cáo nào, thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc thực hiện của nhân viên văn thư.

 Động viên CB-GV-NV tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, đặc biệt là nhân viên văn thư.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01], Phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ [H1-1.10-02], [H1-1.10-03] Phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-04], Phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng chống các tệ nạn xã hội [H1-1.10-05]. Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên nên đã có văn bản phối hợp với cơ quan công an có nội dung liên quan. Có giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm [H1-1.10-06]

 Nhà trường có hộp thư góp ý, đã tổ chức phối hợp với các lực lượng công an xã để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, PHHS, CB, GV, NV, HS luôn có ý thức chấp hành tốt nội quy của nhà trường đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn, thương tích: Thông qua tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, tuyên truyền cho HS hiểu và nắm bắt được những biện pháp phòng ngừa, phòng chống tai nạn, thương tích có thể xảy ra.

 Học sinh được giáo dục và có ý thức tốt trong quan hệ bạn bè, đối xử với nhau thân thiện, quan hệ thầy trò đúng mực. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Học sinh được hưởng và bảo vệ các quyền lợi. Căn cứ theo Luật trẻ em số 102/2016/QH 13, quy định về quyền, bổn phận của trẻ em, nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Trường không có các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-09]

Mức 2:

 Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng chống các tệ nạn xã hội được nhà trường tuyên truyền như: Đuối nước, phòng chống xâm hại có hình ảnh...[H1-1.10-08], [H1-1.10-09]

 Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả: CB-GV-NV và HS luôn có ý thức chấp hành tốt nội quy của nhà trường đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV và HS trong nhà trường. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn, thương tích: Thông qua tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, phát loa phóng thanh cho học sinh hiểu và nắm bắt được những biện pháp phòng ngừa, phòng chống tai nạn, thương tích có thể xảy ra [H1-1.10-10].

**2. Điểm mạnh**

 Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, an tâm công tác, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, sống đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, yêu thương, tôn trọng học sinh không xảy trình trạng xúc phạm thân thể, nhân phẩm học sinh....Thường xuyên giáo dục học sinh cách ứng xử giữa trò - trò, thầy - trò từ đó học sinh ngoan, lễ phép, không sống kì thị, không vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa có phương án khả thi như phối hợp cơ quan công an để đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Có phương án khả thi như phối hợp với cơ quan công an để đảm bảo an cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

 Từng bước hoàn thiện tường rào bao quanh để đảm bảo an toàn cho CB-GV-NV và học sinh.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

 Nhà trường có cơ cấu tổ chức, lớp học và học sinh theo quy định, có thành lập các tổ và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học. Trong hoạt động luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng như quy định của ngành; trong quản lý, điều hành, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và thực hiện việc lưu trữ, báo cáo đảm bảo đúng thời gian; tổ chức thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua; thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, GV, NV và HS cũng như quản lý tài sản, tài chính, CSVC; Đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện an toàn cho GV và HS, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường

 Bên cạnh những mặt làm được, nhà trường còn có một số tồn tại sau:

 Hội đồng trường tuy đã thành lập nhưng quá trình tổ chức các cuộc họp chưa được thường xuyên đôi lúc còn lồng ghép với các cuộc họp chung của nhà trường.

 Sĩ số học sinh của từng lớp ở các điểm chưa đồng đều. Trường có 02 điểm lẻ nên công tác kiểm tra công tác chuyên môn còn nhiều khó khăn.

 Kế hoạch của một số tổ xây dựng còn chung chung, chưa thể hiện rõ giải pháp thực hiện cụ thể.

 Cách thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn của một vài tổ chưa mang tính phong phú, sáng tạo nên hiệu quả chưa cao.

 Việc thực hiện quy chế dân chủ, một số giáo viên chưa mạnh dạn, chưa tích cực phát biểu trong các cuộc hội họp để trao đổi, đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh.

 Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 9/10 (3/4) tiêu chí chiếm 90 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

 Nhà trường có đủ số lượng CBQL, GV và NV. Hầu hết CBQL, GV và NV có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. CBQL có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, hướng dẫn tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng GV, NV của trường có đủ và đảm bảo về cơ cấu, đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt. Tập thể CB, GV, NV trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau, luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định

 Hiệu trưởng Lê Trọng Quỳnh sinh ngày 10 tháng 02 năm 1978. Trình độ chuyên môn Đại học, chuyên ngành Đại học sư phạm giáo dục tiểu học.Vào ngành năm 1997, giảng dạy tại trường TH Bùi Thị Xuân cho đến năm 2001. Từ năm 2002 đến 7/2014 là giáo viên của trường TH Đinh Tiên Hoàng. Sau 16 năm làm công tác giảng dạy đến tháng 8/2014, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng Trường TH Phan Đình Phùng. Từ tháng 4/2021 đến nay được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường TH Phan Đình Phùng.

 Phó Hiệu trưởng Hoàng Tâm sinh ngày 26 tháng 03 năm 1966 tại Triệu Độ- Triệu Phong- Quảng Trị. Trình độ chuyên môn Đại học, chuyên ngành Đại học sư phạm tiểu học và quản lý giáo dục. Vào ngành năm 1992, giảng dạy tại trường PTCS Nguyễn Bá Ngọc xã Đạo Nghĩa, huyện Đăk Rlấp, tỉnh Đăk Nông. Năm 2000 được bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Trường PTCS Nguyễn Bá Ngọc và sau đó đồng chí được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường TH Nguyễn Thái Học xã Nhân Đạo, huyện Đăk R’lấp, tỉnh Đăk Nông. Từ năm 2013 đến 2020 là Hiệu trưởng trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’lấp, tỉnh Đăk Nông. Từ tháng 8 năm 2022 chuyển trường và nhận công tác Phó Hiệu trưởng tại Trường Tiểu học Phan Đình Phùng, xã Đăk Wer, huyện Đăk Rlấp, tỉnh Đăk Nông.

 Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H2-2.1-01], Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm [H2-2.1-02], Báo cáo sơ kết, tổng kết [H2-2.1-03], Các hình thức khen thưởng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [H2-2.1-04], Công văn triệu tập, quyết định cử đi học [H2-2.1-05], Văn bản triệu tập hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn[H2-2.1-06], Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn [H2-2.1-07], Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-08]

 b) Được đánh giá hàng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường Tiểu học.

 Đồng chí Hiệu trưởng kiêm bí thư chi bộ nhà trường lãnh đạo, chỉ đạo Chi bộ nhà trường hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và luôn phấn đấu đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu, Chi bộ điển hình làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn đại học, có năng lực quản lý tốt, đã từng đạt danh hiệu giáo viên giỏi , nhiều năm đạt Lao động tiên tiến, có đề tài SKKN được chứng nhận loại B cấp huyện. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, có sức khoẻ tốt. Thực hiện và chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được hiệu trưởng phân công. Hằng năm được đánh giá từ loại khá trở lên [H2-2.1-03].

 Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H2-2.1-01], Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm [H2-2.1-02], Báo cáo sơ kết, tổng kết [H2-2.1-03], Các hình thức khen thưởng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng [H2-2.1-04], Công văn triệu tập, quyết định cử đi học [H2-2.1-05], Văn bản triệu tập Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn [H2-2.1-06], Kết quả học tập tại các lớp bồi dưỡng, tập huấn [H2-2.1-07], Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-08] [H2-2.1-09].

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định.

 Hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, lớp Trung cấp lý luận chính trị và tham gia đầy đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở - Phòng Giáo dục tổ chức và đã được cấp chứng chỉ sau mỗi khóa học.

  Phó hiệu trưởng đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị và lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và tham gia đầy đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở - Phòng Giáo dục tổ chức và đã được cấp chứng chỉ sau mỗi khóa học [H2-2.1-08]

 Mức 2:

 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị. Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, Phó hiệu trưởng có bằng sơ cấp lý luận chính trị và luôn được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm [H2-2.1-02], Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị [H2-2.1-08] [H2-2.1-09], Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm [H2-2.1-10]

 Mức 3:

 Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm [H2-2.1-02]

 **2. Điểm mạnh**

 Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có số năm giảng dạy trước khi bổ nhiệm đúng quy định, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, có đủ sức khoẻ để đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được tập thể nhà trường tín nhiệm. Đã được bồi dưỡng quản lý giáo dục theo quy định. Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt chuẩn ở mức tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường còn thiếu 01 Phó Hiệu trưởng theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục tham mưu các cấp có thẩm quyền bổ nhiệm thêm 01 Phó Hiệu trưởng chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

 c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học. Tất cả giáo viên, kể cả giáo viên chuyên ngành: Thể dục, Anh văn, Mĩ thuật, Âm nhạc, Tin học đều được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo và có văn bằng chứng chỉ đạt trình độ chuẩn trở lên. Cụ thể có 40 giáo viên /25 lớp, trong đó có 31 giáo viên môn chung và 8 giáo viên chuyên ngành theo quy định và 01 tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình trong công tác, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Số lượng giáo viên/lớp | Tỉ lệ giáo viên/lớp |
| 2018-2019 | 30 giáo viên /20 lớp | 1,5 giáo viên/ 1 lớp |
| 2019-2020 | 30 giáo viên /20 lớp | 1,5 giáo viên/ 1 lớp |
| 2020-2021 | 39 giáo viên /25 lớp | 1,56 giáo viên/ 1 lớp |
| 2021-2022 | 39 giáo viên /25 lớp | 1,56 giáo viên/ 1 lớp |
| 2022-2023 | 40 giáo viên /25 lớp | 1,6 giáo viên/ 1 lớp |

 Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo [H2-2.2-02], Danh sách GV đạt trình độ trên chuẩn [H2-2.2-04], Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm [H2-2.2-03], Báo cáo sơ kết, tổng kết [H2-2.2-06]

 b) Nhà trường có đầy đủ giáo viên bộ môn: thể dục, âm nhạc, mỹ thuật, ngoại ngữ, tin học được đào tạo từ cao đẳng trở lên, được phân công giảng dạy đúng theo chuyên ngành đào tạo và 01 giáo viên làm Tổng phụ trách đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh theo quy định trường hạng I [H2-2.2-02]

 c) Nhà trường có 100 % đội ngũ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên.

 Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo [H2-2.2-02], Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm [H2-2.2-03], Báo cáo sơ kết, tổng kết [H2-2.2-06], Bảng phân công chuyên môn của nhà trường [H2-2.3-07].

 Mức 2:

 Tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 35/40 giáo viên - tỷ lệ 87,5% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo. Trong 5 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình***.***

 Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo [H2-2.2-02], Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm [H2-2.2-03], Danh sách giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường [H2-2.2-04], Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm của nhà trường theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-05]

 Trong 05 năm học vừa qua giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, không có giáo viên nào bị kỷ luật***.*** Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm của nhà trường theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-05]

 Mức 3:

 Nhà trường đạt 87,5% tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và sẽ tiếp tục tăng trình độ chuẩn qua các năm học. Danh sách giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo của nhà trường [H2-2.2-02], Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm của nhà trường theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-05] [H2-2.2-06]

 Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên là cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, nhận thức được điều đó nên mỗi giáo viên đều trau dồi, học tập, phấn đấu trong công tác.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc, có giáo viên bộ môn và Tổng phụ trách đội theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

 Đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn 87,5%.

**3. Điểm yếu**

 Còn 5 giáo viên chưa có bằng cử nhân tiểu học, trong thời gian tới có kế hoạch tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Động viên giáo viên tham gia học các lớp nâng chuẩn, phấn đấu 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a) Số lượng nhân viên đủ theo quy định của trường hạng I, hiện nay nhà trường có 6 nhân viên.

 Bảng phân công nhiệm vụ cho giáo viên, nhân viên hằng năm [H2-2.3-01], Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ [H2-2.3-02]

 b) Nhân viên kế toán, văn thư- thủ quỹ, y tế có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên được bố trí công việc theo đúng chuyên môn đào tạo. Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ [H2-2.3-02], Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm [H2-2.2-03]

 c) Tất cả nhân viên thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Bảng phân công chuyên môn của nhà trường [H2-2.3-01], Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo và nghiệp vụ [H2-2.3-02], Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên hằng năm [H2-2.2-03]

 Mức 2:

 Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Bảng phân công nhiệm vụ cho giáo viên, nhân viên hằng năm [H2-2.3-01].

 Mức 3:

 Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí, việc làm: nhân viên kế toán có trình độ đại học, nhân viên thiết bị thư viện, văn thư có trình độ trung cấp trở lên, nhân viên y tế có trình độ trung cấp y sĩ. Nhân viên bảo vệ có trình độ tương ứng với vị trí việc làm.

 Hằng năm, nhân viên đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm như tập huấn tài chính và các phần mềm kế toán, tập huấn phần mềm quản lí thư viện thiết bị chuyên ngành về giáo dục, nghiệp vụ theo chủ trương của ngành quy định, nâng cao khả năng xử lí công việc, mang lại hiệu quả. Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.3-04], Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.3-05]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đảm nhiệm các vị trí Kế toán, Thư viện, Thiết bị, Văn thư và Y tế học đường. Các nhân viên thực hiện nhiệm vụ hiệu quả theo sự phân công, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chung của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Nghiệp vụ nhân viên còn hạn chế, chưa đảm bảo nhu cầu công việc. Việc chi trả lương bảo vệ theo quy định song chưa phù hợp với khối lượng công việc được đảm nhận cho nên hiệu quả đạt được còn thấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Động viên nhân viên theo học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao. Hướng dẫn, giúp đỡ nghiệp vụ nhân viên văn thư thực hiện nhiệm vụ lưu trữ công văn, sắp xếp hồ sơ khoa học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

 a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

 b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

 Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

 Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 a) Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi, trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể vào lớp 1 ở độ tuôi từ 7-9 tuổi [H2-2.4-01]

 Sổ đăng bộ [H2-2.4-01], Học bạ học sinh [H2-2.4-02], Sổ chủ nhiệm [H2-2.4-03], Hồ sơ học sinh khuyết tật [H2-2.4-07]

 b)Tất cả học sinh đều thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của học sinh như: chấp hành nội quy nhà trường; hiếu thảo với ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo; đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật; có ý thức rèn luyện thân thể và giữ vệ sinh cá nhân; tích cực tham gia các hoạt động tập thể; có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như: dọn vệ sinh, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh...thực hiện tốt an toàn giao thông; luôn giữ gìn và phát huy truyền thống của nhà trường, của địa phương; không gian dối trong học tập, kiểm tra, không gây rối trật tự trong nhà trường.

 c) Học sinh nhà trường được chăm sóc, bảo vệ, tôn trọng và được đối xử công bằng, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học khi có đủ điều kiện theo quy định Thông tư 22/BGD&ĐT sửa đổi và Thông tư 27/BGD&ĐT về đánh giá xếp loại học sinh.

 Mức 2:

 Hằng năm vào đầu mỗi năm học, giáo viên đã tổ chức cho học sinh học nội quy của nhà trường, quy định những điều học sinh không được làm. Đồng thời, giáo viên Tổng phụ trách Đội thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở trong sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và giáo viên thực hiện giáo dục học sinh trong các giờ dạy. Tuy nhiên vẫn có vài trường hợp (chủ yếu các em đồng bào) vi phạm  mức độ nhẹ nhưng được phát hiện kịp thời, có các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. Không có học sinh vi phạm mức độ nghiêm trọng nội quy nhà trường.

 Mức 3:

 Trong các năm học từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, nhà trường luôn có học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, rèn luyện. Cụ thể, các em tham gia giao lưu “Tiếng Việt của chúng em”; rung chuông vàng, tham gia vẽ tranh về biển đảo; tham gia thi An toàn Giao thông cấp huyện, tiếng anh trên mạng (IOE), cuộc thi Toán tuổi thơ cấp huyện, thi giải toán trên mạng Violympic. Các thành tích trên đã thúc đẩy phong trào học tập của lớp, của trường. Các cá nhân và tập thể đạt thành tích cao được các cấp, nhà trường khen thưởng kịp thời động viên, khuyến khích tinh thần học tập cũng như học sinh nghèo vượt khó. Danh sách học sinh được khen thưởng và nhận học bổng theo các chương trình [H2-2.4-06]

 **2. Điểm mạnh**

 Hằng năm trường huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 99,5%. Học sinh của trường được đảm bảo đầy đủ các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học.

 Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học toàn trường đạt từ 98% trở lên. Trên 98% học sinh được đánh giá đạt về năng lực; 100% học sinh được đánh giá đạt về phẩm chất và 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi. Học sinh đạt các giải cao trong các hội thi.

**3. Điểm yếu**

 Một số học sinh đồng bào thiểu số chưa coi trọng việc học, cha mẹ thiếu sự quan tâm nên chất lượng học tập của các em chưa cao, vẫn còn một số lưu ban.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Phối kết hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể địa phương, lãnh đạo thôn bon để tuyên truyền về tầm quan trọng của việc học đến phụ huynh và học sinh, làm tốt công tác duy trì sĩ số học sinh 100%.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

 Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng công tác. Trình độ về chuyên môn nghiệp vụ được nâng cao qua các năm.

  Đa số học sinh đi học đúng độ tuổi theo năm học. Tất cả học sinh đều được chăm sóc, bảo vệ và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC an toàn để học tập và rèn luyện.

 Tuy nhiên, nhân viên thư viện, thiết bị, văn thư chưa được đào tạo chính quy theo nghiệp vụ chủ yếu là phân công giáo viên nên hiệu quả chưa cao.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

 Trường Tiểu học Phan Đình Phùng có 03 điểm trường, trong đó điểm chính tại thôn 7 xã Đăk Wer, điểm lẻ cơ sở 1 tại thôn 1 xã ĐăkWer và điểm lẻ cơ sở 2 tại thôn 6 xã Đăk Wer. Hệ thống CSVC cả 3 điểm trường tương đối đầy đủ, đảm bảo phục vụ cho giảng dạy và công tác quản trị hành chính, điểm trường chính có mái vòm rộng rãi, sân chơi bãi tập đảm bảo cho việc học tập, sinh hoạt và vui chơi của học sinh. Khuôn viên, cổng trường, hàng rào, sân chơi, bãi tập, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước bố trí sắp xếp phù hợp với điều kiện địa phương. Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và Ban đại diện CMHS hỗ trợ, xây dựng CSVC ngày càng khang trang, đổi mới phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục. Số lớp học 2 buổi/ ngày được tăng dần qua từng năm học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

 a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

 b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

 c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

 Mức 2:

 a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

 b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

 Mức 3:

 Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trường được thiết kế theo chuẩn quy định có biển tên, tường rào…., và được xây dựng gần trung tâm khu dân cư, thuận tiện cho việc đi học của học sinh. Trường có không gian yên tĩnh, thoáng mát, xa khu vực chợ, trục giao thông lớn, không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, khí độc hại, khói, bụi,…môi trường xung quanh [H3-3.1-01], [H3-3.1-03]

 Nhà trường có cổng trường, biển tên trường và tường rào xung quanh bằng bê tông, sắt thép chắc chắn, cao 2 mét; cổng trường cao ráo, nội dung biển trường được thiết kế theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hằng năm nhà trường có kế hoạch triển khai thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, xây dựng xanh hóa lớp học; thường xuyên nhắc nhở giáo viên, học sinh thực hiện mô hình xanh - sạch - đẹp - an toàn. Giáo viên và học sinh có ý thức trong việc thực hiện giữ gìn vệ sinh trường, lớp. Khuôn viên các điểm trường được trồng cây xanh đảm bảo độ che phủ và được bố trí hợp lí; khuôn viên trường luôn được dọn dẹp sạch, đẹp, thoáng mát.

 Sân chơi, bãi tập được nhà trường khai thác cho học sinh luyện tập thường xuyên hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của đơn vị. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường [H3-3.1-01], Ảnh chụp khu đất, sân chơi [H3-3.1-03], Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-04]

 Mức 2:

 Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh; Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

 Diện tích khuôn viên trường:10.597 m2 có sổ QSDĐ, trong đó :

 Điểm chính: 10.000 m2, đảm bảo 20 m2 /học sinh

 Điểm phụ: 7000 m2, đảm bảo 29 m2/ học sinh

 Đã làm được một nhà vòm ở sân trường với diện tích gần 560 m2 [H3-3.1-04]

 Trường có 03 điểm với diện tích rộng rãi thoáng mát và sạch sẽ. Trong khuôn viên trường có trồng cây bóng mát, cây cảnh, cây kiểng, học sinh có ý thức trong bảo quản chung, biết giữ vệ sinh sân trường ăn và bỏ rác đúng nơi quy định. được xử lý hằng ngày, có nơi cho học sinh vui chơi. Từ đó, luôn tạo môi trường thân thiện, kích thích học sinh vui khi đến trường. Hình ảnh khuôn viên trường liên quan [H3-3.1-04]

 Mức 3:

 Nhà trường có sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả, có cây xanh bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động. Tuy nhiên, trang thiết bị chưa đầy đủ cho việc luyện tập thể dục thể thao và vui chơi giải trí. Khu đất làm sân chơi, bãi tập cho toàn bộ học sinh được sử dụng thường xuyên, hiệu quả.[H3-3.1-03] [H3-3.1-04]

 **2. Điểm mạnh**

 Khuôn viên trường đảm bảo về diện tích cho học sinh vui chơi và học tập. Không gian thoáng đãng, an toàn và sạch, đẹp. Có nhà vòm rộng rãi, thoáng mát giúp cho các em vui chơi, luyện tập.

**3. Điểm yếu**

 Tường rào ở điểm lẻ thôn 1 chưa có, ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh trật tự của trường.

 Tại điểm trường thôn 6 tường rào đã xuống cấp, hư hại ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn cho học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục xã hội hóa giáo dục để xây tường rào điểm lẻ thôn 1 và thôn 6

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

 a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

 b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

 c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

 Mức 2:

 a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

 c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

 Mức 3:

 Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 30 phòng học với 25 lớp bình quân mỗi lớp có 1 phòng học và 5 phòng chức năng bao gồm: phòng anh văn, âm nhạc, thư viện, tin học, y tế, quy cách phòng học theo đúng quy định, đảm bảo đủ phòng cho 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Trong mỗi phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy theo quy định.

 Căn cứ vào độ tuổi, số lượng học sinh từng lớp, trường tham mưu các cấp xin đầu tư đầy đủ bàn ghế cho học sinh đảm bảo mỗi em một chỗ ngồi. Bàn ghế học sinh, bàn ghế GV đều đúng tiêu chuẩn theo Điều 3 của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT. Bảng lớp được treo phù hợp; chiều cao từ mặt sàn đến mép dưới bảng không nhỏ hơn 0,65m và không lớn hơn 0,8m.

 Mỗi phòng học có có hệ thống đèn chiếu sáng, quạt máy đảm bảo không gian phòng học thoáng mát phục vụ tốt nhu cầu học tập của học sinh và có tủ đựng hồ sơ cho từng lớp học [H3-3.2-02]

 Mức 2:

 Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Diện tích mỗi phòng học rộng khoảng 64m2.

 Nhà trường trang bị bàn ghế cho học sinh loại bàn 2 chỗ ngồi: bàn 2 chỗ ngồi loại dành cho học sinh lớp 1, 2, 3 và loại bàn 2 chỗ ngồi dành cho học sinh lớp 4, 5, thiết kế đẹp và phù hợp với lứa tuổi học sinh Tiểu học đảm bảo đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3-3.2-02]

 Có đủ các thiết bị dạy học như đồ dùng học Toán, Tiếng Việt, thực hành thủ công dùng cho giáo viên và học sinh. Bảng viết chống loá được treo ngay giữa phòng học phù hợp với tầm nhìn của HS theo đúng quy định của Bộ Y tế. Hình ảnh liên quan phòng học [H3-3.2-04]

 Mức 3:

 Năm học 2017-2018 XHH 2 phòng học ở điểm lẻ với diện tích là 120 m2

 Giữa năm học 2018-2019 đối ứng XHH 2 phòng ở điểm chính với diện tích là 150 m2.

 Năm 2020 điểm trường thôn 6 (cơ sở 2) được sáp nhập càng làm cho quy mô trường thêm khang trang và bề thế hơn.

  Được sự quan tâm của UBND huyện và phòng GD&ĐT đã sơn lại tường và sửa sang lại hệ thống điện, nước của 16 phòng học.

 Nhà trường có phòng học chức năng bao gồm: phòng tin học riêng biệt với số lượng máy tính đảm bảo cho học sinh học tập hằng ngày, có phòng giáo dục nghệ thuật để dạy môn âm nhạc và mỹ thuật chung, phòng học anh văn.

 **2. Điểm mạnh**

 Mỗi lớp có đủ phòng học theo quy định.

 Các phòng học được trang bị đầy đủ, các phương tiện cần thiết như: bàn, ghế, bảng, tủ đựng thiết bị. Mỗi phòng học được trang trí với không gian thân thiện, gần gũi với học sinh

**3. Điểm yếu**

 Điểm trường chính còn 2 phòng học cấp 4 xuống cấp đã sửa chữa và đang sử dụng làm phòng học cho học sinh. Hiện nay, một số bàn ghế chưa phù hợp với kích cỡ của học sinh theo quy định tại TT liên tịch số 26/2011/TTLT-BGD-ĐT - BKHCN - BYT Ngày 16/6/2011

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Đề nghị tham mưu các cấp đầu tư xây dựng thêm phòng học và mua sắm một số bàn ghế phù hợp với chiều cao học sinh theo khối lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

 a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

 b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

 c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

 Mức 2:

 a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

 Mức 3:

 Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 01 phòng giáo dục Nghệ thuật dùng để dạy chung các môn mỹ thuật, âm nhạc, 01 phòng học ngoại ngữ , 01 phòng tin học, 01 phòng thiết bị - thư viện, 01 phòng truyền thống hoạt động Đội đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động giáo dục cho học sinh và phòng y tế riêng biệt. Các phòng này được sắp xếp riêng biệt đảm bảo tốt cho việc học tập, hoạt động thực hành, trải nghiệm theo vị trí, chức năng của mỗi môn học. Các hình ảnh phòng học bộ môn [H3-3.3-01]

 Khối phòng hành chính, quản trị của trường được trang bị bàn ghế làm việc, máy vi tính, có kết nối Intenet, tủ đựng hồ sơ đảm bảo các hoạt động hành chính - quản trị bao gồm: phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán văn thư, y tế[H3-3.3-02]

 Trường có nhà để xe dành cho CBQL, GV, NV và HS. Nhà để xe được bố trí ở vị trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03]

 Mức 2:

 Các phòng khối phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị có diện tích đảm bảo đủ để hoạt động đạt hiệu quả theo qui định tại Điều lệ trường tiểu học. Tuy nhiên phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Y tế, Kế toán được ngăn bằng vách ngăn diện tích còn nhỏ.

 Mức 3:

 Hằng năm, trường đã cân đối ngân sách để mua sắm các thiết bị dạy học phù hợp, đảm bảo chất lượng giáo dục cho khối phòng phục vụ hoc tập - hành chính. Phòng nghệ thuật 01 cây đàn organ, 35 giá vẽ. Phòng anh văn 01 loa, 01 máy chiếu. Phòng y tế đầy đủ cơ số thuốc theo quy định. Phòng tin học 25 máy tính, các phòng HT, PHT được trang cấp đủ phương tiện, laptop, máy in, máy photocopy làm việc. Trường đã phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân trong việc quản lý các phòng. Hằng ngày, BGH luôn theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở việc sắp xếp các thiết bị trong phòng làm việc nên hệ thống thiết bị luôn được sắp xếp hợp lý, khoa học. Tuy nhiên, chưa có phòng họp hội đồng và phòng chờ giáo viên, phòng tin học nay đã xuống cấp do thiết bị không được sử dụng thường xuyên.

 **2. Điểm mạnh**

 Tương đối đảm bảo số phòng học phục vụ khối hành chính, trang bị phục vụ cho công tác giáo dục, sức khỏe.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa có phòng thường trực, phòng nghỉ giáo viên, phòng truyền thống còn nhỏ và chưa phát huy chức năng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu các cấp xây dựng thêm phòng thường trực, phòng nghỉ giáo viên và phòng truyền thống khang trang và quy mô hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

 a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

 b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trường có khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh theo đúng quy cách, có 01 khu vệ sinh dành cho học sinh và 01 khu dành cho giáo viên, mỗi khu vệ sinh có phòng vệ sinh nam, nữ riêng.

 Các khu vệ sinh đều có bồn nước, máy bơm nước và đầy đủ các vòi nước rửa tay phục vụ cho việc vệ sinh cá nhân. Sơ đồ, ảnh chụp khu vệ sinh của nhà trường [H3-3.4-01]

 Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch phục vụ cho sinh hoạt cho GV- NV và HS; Hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo yêu cầu. Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch [H3-3.4-02]

 Mức 2:

 Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và khuôn viên của trường. Số lượng các bồn cầu cơ bản đảm bảo được nhu cầu các lượt vệ sinh của GV, NV và HS; các cửa và xung quanh nhà vệ sinh được che chắn kín đáo. Bên ngoài các khu vệ sinh đều có trang bị bảng nội quy, bảng chỉ dẫn nơi vệ sinh, bảng hướng dẫn các bước rửa tay cho HS; có nơi rửa tay với nước sạch, xà phòng sau khi đi vệ sinh theo quy định.

 Khu vệ sinh thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Nhà trường có hợp đồng thuê mướn nhân viên thu gom và xử lý rác hàng ngày [H3-3.4-03]

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ công trình vệ sinh cho GV và HS.

 Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục. Khu vệ sinh sạch sẽ, an toàn.

**3. Điểm yếu**

 Các khu vệ sinh điểm lẻ đang xuống cấp, nhất là nhà vệ sinh tại điểm thôn 1 chưa đảm bảo theo đúng quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu với UBND xã xin chủ trương XHH giáo dục xây dựng nhà vệ sinh điểm thôn 1 theo đúng quy định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

 a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

 b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng gồm 3 máy tính để bàn, 3 laptop, 4 máy in, 2 máy chiếu. Các máy tính văn phòng đều được nối mạng internet để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.5-01], Có phòng học Tin học riêng với 25 máy tính đảm bảo cho phục vụ giảng dạy và học tập của học sinh đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhà trường [H3-3.5-02]

 Hiện tại nhà trường có một số bộ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập đảm bảo đúng quy định như: tranh ảnh, bảng đồ, biểu đồ, quả địa cầu, các bộ chữ cái, các bộ đồ dùng dạy toán, bộ đồ dùng dạy môn kỹ thuật, compa, thước eke….[H3-3.5-03]

 Hàng năm, đến cuối năm học nhà trường đều có thành lập ban kiểm kê các thiết bị dạy học, đồ dùng đã hư hỏng và lập kế hoạch, thực hiện nâng cấp, bổ sung mua sắm vào đầu năm học mới.

 Mức 2:

 Trường đã hợp đồng với Công ty Internet Viettel kết nối mạng Internet tại đơn vị. Hiện tại, 100% máy tính của trường đều được kết nối mạng và phục vụ tốt cho công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học.

 Trường được trang bị tối thiểu thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định. Phòng thiết bị được sắp xếp, quản lý khoa học việc theo dõi tình hình sử dụng thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo, để phục vụ dạy và học của giáo viên và học sinh [H3-3.5-04]

 Mức 3:

 Trong quá trình tự làm và sử dụng thiết bị, giáo viên có sự sáng tạo khai thác, sử dụng hiệu quả một thiết bị cho nhiều bài, nhiều khối. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, gây hứng thú cho học sinh trong giờ học, tất cả giáo viên khi tham gia giảng dạy đều sử dụng đồ dùng và tham gia tự làm 2 đồ dùng/năm để bổ sung thêm đồ dùng trong kho thiết bị. Qua đó, tạo cho các em sự tìm kiếm, khám phá kiến thức một cách tích cực, tạo không khí lớp học sôi nổi, giúp học sinh dễ nắm bắt, khắc sâu kiến thức và đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập tối thiểu. Có hồ sơ theo dõi mượn, trả đồ dùng dạy học và hồ sơ kiểm tra của Hiệu trưởng. Giáo viên tự làm đồ dung dạy học để phục vụ công tác giảng dạy và bổ sung thêm đồ dung vào kho thiết bị.

**3. Điểm yếu**

 Một số thiết bị đồ dùng dạy học đã xuống cấp. Việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên chưa thường xuyên, chưa đáp ứng được đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 Theo chương trình GDPT 2018 thì số lượng các thiết bị dạy học vẫn chưa đáp ứng đầy đủ công tác dạy và học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu với BGH mua đồ dùng thiết bị mới phong phú hơn. Các năm học tiếp theo, hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua tự làm đồ dùng dạy học và coi đây là tiêu chí đánh giá xếp loại giáo viên hàng năm.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

 a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

 b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

 c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Thư viện của nhà trường được trang bị đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, dạy và học của nhà trường. Danh mục sách tham khảo, nghiệp vụ, thiếu nhi, báo, tạp chí [H3-3.6-01]

 Hoạt động của thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CBQL, GV, NV và HS; thường xuyên tổ chức giới thiệu sách đến bạn đọc, sắp xếp bảo quản, ngăn nắp, dễ tìm. Tuy nhiên, số lượt học sinh nghiên cứu sách báo, tài liệu thư viện còn ít, một vài em chưa thực hiện tốt việc giữ gìn, bảo quản sách, báo truyện trong khi đọc và mượn về. Kế hoạch hoạt động của thư viện hàng năm [H3-3.6-02]

 Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau như mua sắm, vận động học sinh tặng sách giáo khoa cũ [H3-3.6-04]

 Mức 2:

 Thư viện trường đạt thư viện chuẩn ngày 20/10/2017. Một số máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến. Số đầu sách chưa đạt theo quy định.

 **2. Điểm mạnh**

 Thư viện trường đáp ứng các loại sách theo quy định như: Sách tham khảo, sách giáo khoa,  sách về Bác Hồ, về biển đảo, sách dành cho học sinh có năng khiếu, sách dành cho thiếu nhi, truyện tranh, báo, tạp chí tranh ảnh giáo dục... Hàng năm đều có trang bị thêm sách với nhiều loại đầu sách để làm phong phú thêm cho thư viện trường.

**3. Điểm yếu**

 Phòng đọc, thiết bị - thư viện còn dùng chung, không gian hẹp. Việc mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học, sách tham khảo còn hạn chế và riêng lẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu với UBND xã xin chủ trương XHH giáo dục xây phòng đọc, thiết bị.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

 Trường Tiểu học Phan Đình Phùng luôn huy động các nguồn lực hỗ trợ về tinh thần và vật chất từ các nhân tố gia đình và xã hội trong công tác giáo dục. Trong đó, việc huy động sự hỗ trợ từ phụ huynh học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. Từ đó, nhà trường có CSVC đầy đủ, đáp ứng yêu cầu phục vụ giáo dục. Trường có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bảo vệ, có sân chơi, bãi tập. Phòng học, bàn ghế, bảng lớp, các thiết bị của phòng học và phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học đảm bảo yêu cầu. Trường có đủ khu vệ sinh cho GV và HS, nhà để xe đáp ứng nhu cầu cho cho hoạt động giáo dục trong nhà trường. Thư viện đạt chuẩn theo quy định, trang thiết bị đủ phục vụ cho giảng dạy, CSVC từng bước được tăng cường bổ sung.

 Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu các trang thiết bị dạy học các môn chuyên ngành như mỹ thuật, âm nhạc, ngoại ngữ. Đồ dùng, sách, báo, trang thiết bị dạy học mua sắm còn hạn chế về thể loại. Phòng thiết bị chưa đảm bảo diện tích. Thư viện chưa đạt chuẩn thư viện tiên tiến.

 Nhà vệ sinh ở điểm lẻ đã xuống cấp cần được cải thiện sạch đẹp hơn.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 3/6 (2/5) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

 Nhà trường, gia đình và xã hội là ba môi trường có ảnh hưởng đặc biệt đến công tác giáo dục và phát triển nhân cách học sinh. Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường. Vì vậy, trong những năm học qua, nhà trường đã chủ động phối hợp với BĐD CMHS, phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Với sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã góp phần không nhỏ trong việc động viên tinh thần cho CB-GV-NV và HS của trường. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm Ban chấp hành hội cha mẹ học sinh của mỗi lớp và của nhà trường được thành lập vào đầu năm học do Hội nghị cha mẹ học sinh của lớp và của trường bầu ra mỗi lớp có một Chi hội phụ huynh gồm có ba người, trong đó có một Chi hội trưởng [H4-4.1-01]. Sau đó tiến hành Đại hội cha mẹ học sinh và bầu ra  Ban chấp hành hội cha mẹ học sinh gồm 5 thành viên, trong đó 100% phụ huynh có uy tín [H4-4.1-02] [H4-4.1-04]

 Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp trường hằng năm luôn xây dựng kế hoạch phương hướng hoạt động cụ thể, đề ra Nghị quyết của ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường và Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện [H4-4.1-03]

 Mức 2:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh. Trong quá trình tham gia các hoạt động, Ban đại diện CMHS làm việc hiệu quả Phát huy được sức mạnh của cộng đồng xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục, cùng chung tay góp sức với nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Huy động hết trẻ em 6 tuổi trong địa bàn ra lớp và học sinh bỏ học có ở địa phương trong năm học trước ra lớp đạt 99,5 %. Duy trì sĩ số 100 %

 Bên cạnh đó chi hội của các lớp cùng với giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn, tuyên truyền chủ trương chính về giáo dục đối với cha mẹ học sinh trong những năm học tiếp theo Nhà trường cũng có kế hoạch phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong trường và địa phương [H4-4.1-05]

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.Trong mỗi năm học, nhà trường luôn xây dựng kế hoạch, lên chương trình tổ chức các cuộc họp định kỳ với phụ huynh học sinh của từng lớp, sau mỗi học kỳ của mỗi năm học và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh khi cần thiết. Trong các cuộc họp, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện kế hoạch cho năm học tới đạt hiệu quả cao thể hiện rõ ở biên bản họp phụ huynh cuối năm [H4-4.1-06]

 **2. Điểm mạnh**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định.

 Kế hoạch hoạt động được thực hiện theo từng năm học

 Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Đã phối hợp với nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập của học sinh cũng như giáo viên trong các hội thi do ngành tổ chức, các hoạt động thể dục thể thao, hoạt động ngoại khóa, thăm hỏi ốm đau.

**3. Điểm yếu**

 Một bộ phận CMHS còn chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học và điều kiện kinh tế gia đình phụ huynh còn khó khăn nên chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn phó mặc hoàn toàn cho nhà trường trong việc dạy dỗ, giáo dục học sinh. Chi hội của lớp phần lớn chưa mạnh dạn góp ý cũng như trong việc tuyên truyền triển khai kế hoạch cho năm học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong mọi hoạt động để hiệu quả giáo dục học sinh ngày càng cao hơn. Giáo viên chủ nhiệm  cần phối hợp chặt chẽ  với  Ban đại diện cha mẹ học sinh của các Chi hội để trao đổi và áp dụng nhiều hình thức trong việc giáo dục đạo đức, việc học tập ở nhà, rèn kỹ năng sống cho học sinh để các em thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Vào mỗi năm học, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về xây dựng kế hoạch năm học và các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập giáo dục và các giải pháp phối hợp để phát triển nhà trường [H4-4.2-01]

 Nhà trường luôn tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, công nhân viên và phụ huynh nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như qua các cuộc họp hội đồng, họp chi bộ ...). Bên cạnh đó nhà trường luôn phối hợp kịp thời với các tổ chức như: phối hợp với Đoàn Thanh niên, các ban ngành, đoàn thể, trong và ngoài nhà trường để thực hiện mọi hoạt động của nhà trường.

 Nhà trường đã huy động nguồn kinh phí XHH xây dựng cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy và học. Huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ kinh phí để khen thưởng học sinh học đạt thành tích trong các hội thi, giao lưu cấp cụm trường, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật hằng năm [H4-4.2-08]

 Mức 2:

 Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến năm 2025.

 Trong mỗi năm học, nhà trường luôn có kế hoạch phối hợp với Ban chấp hành xã đoàn, Hội cựu chiến binh để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, tổ chức cho học sinh nghe nói chuyện truyền thống nhân ngày thành lập QĐNDVN.

 Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để truyền thông giáo dục lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác nhau cho học sinh; thiết lập lịch sử, cách mạng, công cụ hóa văn bản; thiết lập gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-09]

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 Nhà trường tham mưu với cấp ủy, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và tạo môi trường giáo dục lành mạnh, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; việc khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc hằng năm có sự hỗ trợ của toàn thể quý phụ huynh và các nhà doanh nghiệp.

 Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể của địa phương để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc…. Tích cực tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh Tiểu học.

**3. Điểm yếu**

 Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp do kinh tế của đại đa số phụ huynh còn nghèo.Việc mời các nhân chứng lịch sử về nói chuyện truyền thống cho học sinh chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

  Nhà trường phát huy những mặt đã đạt của Chi hội khuyến học, chi hôi chữ thập đỏ để tiếp tục giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các địa chỉ nhân đạo; đẩy mạnh công tác tham mưu với lãnh đạo chính quyền địa phương trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; tranh thủ các nguồn lực để có kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

 Nhà trường cần phát huy hơn nữa việc phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể của địa phương để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc… Cần đẩy mạnh công tác phối hợp với địa phương về nói chuyện truyền thống cho học sinh được thường xuyên hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

 BĐD CMHS phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để huy động tối đa các nguồn lực hỗ trợ rất nhiều cho học sinh khó khăn vươn lên trong học tập. Các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc luôn được quan tâm, coi trọng và thực hiện có hiệu quả.

 Tuy nhiên, các thành viên BĐD CMHS hoạt động còn cầm chừng, một số vắng mặt trong các cuộc họp định kì nên đôi khi không nắm được hết tình hình học tập của con em.

 Việc tổ chức các lễ hội của địa phương tại trường thực hiện còn ít và chưa được phong phú.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

 Chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục được nhà trường thực hiện đúng theo quy định. Hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả cao. Các kế hoạch hoạt động giáo dục được thảo luận, thống nhất trước khi triển khai đến Hội đồng sư phạm. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, tạo được uy tín và niềm tin đối với ngành giáo dục, địa phương và cha mẹ học sinh. Thông qua các ngày lễ lớn, ngày truyền thống, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, nhà trường phối hợp với các đoàn thể tổ chức các hoạt động giáo dục tạo môi trường hoạt động tập thể, vui chơi lành mạnh, đầy bổ ích cho học sinh. Trong quá trình giáo dục, kết quả giáo dục phản ánh thực trạng dạy và học của nhà trường. Từ khi thành lập trường đến nay, tỷ lệ học sinh được khen thưởng của trường đều tăng, tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành về kiến thức kĩ năng, chưa đạt về năng lực, phẩm chất giảm dần. Kết quả cuối các năm học 100% học sinh đều thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của học sinh, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Việc phát triển năng lực, phẩm chất, chăm sóc sức khỏe và giáo dục ý thức bảo vệ môi trường của học sinh luôn được nhà trường quan tâm. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được giáo viên chú trọng và thực hiện đúng quy định nhằm giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia có hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

 b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

 c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

 Mức 2:

 a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

 b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, nhà trường căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT huyện Đắk R'lấp để xây dựng kế hoạch năm học. Các kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục

 Các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện [H5-5.1-01]

 Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thông qua chi bộ, giải trình thông qua Hội nghị công chức,viên chức đầu năm học, có phê duyệt của Lãnh đạo phòng giáo dục, có sự tham gia của lãnh đạo địa phương, cha mẹ học sinh.

 Mức 2:

 Các kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định, đảm bảo tính cập nhật, kịp thời, thực hiện đúng các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, được phổ biến trong các cuộc họp hội đồng sư phạm.

 Được phổ biến, công khai cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch

 **2. Điểm mạnh**

 Các kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định, đảm bảo tính cập nhật, kịp thời, thực hiện đúng các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, được phổ biến trong các cuộc họp hội đồng sư phạm.

**3. Điểm yếu**

 Vai trò của cộng đồng trong việc tham gia giám sát thực hiện kế hoạch của nhà trường còn hạn chế do sự quan tâm đến công tác giáo dục của cộng đồng chưa cao. Cần bổ sung thêm hòm thư góp ý.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Phổ biến kịp thời kế hoạch năm học, các văn bản chỉ đạo công tác chuyên môn cho CB, GV, NV.

 Tổ chức tập huấn các chuyên đề được tập huấn ở cấp trên.

 Thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn về các biện pháp thực hiện tốt kế hoạch năm học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

 a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

 b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

 c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

 Mức 2:

 a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

 b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường đã tổ chức dạy đủ các môn học theo đúng chương trình. Việc bố trí sắp xếp thời khóa biểu dựa trên công văn chỉ đạo của cấp trên. Số lượng tiết dạy, thời lượng đảm bảo theo quy định. Thực hiện theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 32 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện chương trình GDPT 2018.

 Tất cả giáo viên của nhà trường đều thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học. Vận dụng linh hoạt các phương pháp trên cơ sở kết hợp giữa phương pháp truyền thông và phương pháp hiện đại, phát huy tối đa tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

 Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nội dung đánh giá học sinh theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hợp nhất Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020.

 Mức 2:

 Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, phù hợp với đối tượng và đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của HS; có lựa chọn nội dung dạy Tiếng Anh theo chương trình của Bộ GD&ĐT với thời lượng 4 tiết/tuần cho HS khối 3, 4, 5; Thực hiện đúng chương, thời lượng, kế hoạch giáo dục, phù hợp với đối tượng và đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của học sinh. Thực hiện thời khóa biểu 2 buổi/ngày không quá 07 tiết, mỗi tiết không quá 35 phút; phương pháp và hình thức tổ chức theo hướng phát triển năng lực, biết làm việc cá nhân, hợp tác nhóm, chia sẻ trước lớp [H5-5.2-01] [H5-5.2-02]

 Mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành. Việc phân công giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành được thực hiện xuyên suốt cả năm học. Hằng tháng, BGH tổ chức kiểm tra  công tác bồi dưỡng, phụ đạo học sinh, có giải pháp chỉ đạo nâng cao chất lượng Nhờ vậy, số lượng học sinh giỏi tăng đều qua các năm đã có học sinh đạt giải cao trong các đợt giao lưu cấp huyện và được tham gia giao lưu cấp tỉnh các môn học, giải quyết được tình trạng học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, nhà trường đều kiểm soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng học tập của giáo viên, học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Có đầy đủ các loại kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của nhà trường và các tổ. Nội dung trong kế hoạch phù hợp với thực tế nhà trường. Tổ sinh hoạt chuyên môn theo đúng quy định. Nội dung các buổi sinh hoạt phong phú, đa dạng, thuận lợi cho giáo viên ứng dụng trong thực tế.

 Giáo viên thực hiện tốt nội dung chương trình, tích cực vận dụng đổi mới phương pháp dạy học trong quá trình lên lớp. Sắp xếp, lựa chọn các nội dung, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

 Thực hiện có hiệu quả việc dạy học 2 buổi/ ngày. Chất lượng học sinh được nâng cao rõ rệt.

**3. Điểm yếu**

 Thời lượng bồi dưỡng cho học sinh năng khiếu còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn tăng cường công tác đổi mới PPDH; tăng cường dự giờ, tổ chức chuyên đề, tạo phong trào thi đua dạy học hiệu quả.

 Chú trọng hơn công tác phụ đạo học sinh chưa hoàn thành về kiến thức kỹ năng, cần cố gắng về năng lực, phẩm chất; bồi dưỡng học sinh có năng khiếu các môn, nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

 a) Đảm bảo theo kế hoạch;

 b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

 c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

 Mức 2:

 Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

 Mức 3:

 Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn của các cấp về việc thực hiện các hoạt động giáo dục NGLL. Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL; nhà trường tổ chức tốt việc dạy lồng ghép chương trình giáo dục NGLL vào các môn nghệ thuật theo đúng chỉ đạo của các cấp***.*** Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường như: Sinh hoạt các câu lạc bộ, các trò chơi dân gian, hội diễn văn nghệ, vui tết trung thu, … phù hợp với nhu cầu và năng khiếu của học sinh [H5-5.3-01] [H5-5.3-02] [H5-5.3-03]

 Hằng tháng, BGH chỉ đạo giáo viên Tồng phụ trách Đội kết hợp các tổ khối lựa chọn nội dung hoạt động Trải nghiệm sáng tạo, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Hoạt động Trải nghiệm sáng tạo được tổ chức đa dạng, phong phú phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của nhà trường [H5-5.3-01], [H5-5.3-03]

 Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch tổ chức giáo dục cho học sinh ý thức tự chăm sóc sức khỏe; phối hợp với các cơ sở y tế để chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

 Mức 2:

 Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường được tổ chức thường xuyên theo chủ điểm. Ngoài ra nhà trường còn tích cực tham gia các hoạt động của cấp trên và đạt được kết quả cao như: cuộc thi Tiếng Anh IOE cấp trường, huyện, tỉnh , giải Ba cuộc thi Toán tuổi thơ cấp huyện; cuộc thi “Vở sạch chữ đẹp” cấp huyện; giải Ba môn “bóng đá mini” cấp huyện. Qua từng cuộc thi nhằm giúp cho các em có cơ hội thể hiện bản thân và cũng nhằm phát hiện các em có năng khiếu đặc biệt để bồi dưỡng, rèn luyện.

 Mức 3:

 Trong những năm qua, trường lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp từng độ tuổi học sinh và điều kiện của trường, phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của các em như các câu lạc bộ: Tiếng anh, Toán, Tiếng việt, cờ vua..... Tuy nhiên, chất lượng chưa đạt kết quả và hiệu quả như mong muốn.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện nghiêm túc công văn hướng dẫn của cấp trên. Tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

 GV, HS các lớp hưởng ứng nhiệt tình, tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục NGLL một cách tích cực, tự giác, với tinh thần ý thức trách nhiệm cao.

 Công tác đánh giá kết quả hoạt động NGLL được tiến hành thường xuyên. Việc nhận xét đánh giá công khai, điều chỉnh kịp thời.

**3. Điểm yếu**

 Chất lượng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vẫn còn hạn chế, mang tính gượng ép, chưa phát huy tính tích cực sáng tạo, ham học hỏi trải nghiệm của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên về hoạt động NGLL. Thường xuyên tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá, kịp thời rút kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo.

 Phối kết hợp với các tổ chức làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động nguồn lực, vật lực xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng được hoạt động NGLL.

 Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức tới các bậc phụ huynh và các tầng lớp xã hội để mọi người thấy được hoạt động giáo dục NGLL giúp học sinh phát triển toàn diện làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

 Tích cực thay đổi các hình thức tổ chức hoạt động sao cho phong phú, lôi cuốn được học sinh tham gia.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

 a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

 b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

 c) - Quản lý hồ sơ. - Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

 Mức 2:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

 Mức 3:

 Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công; tích cực tham mưu với BCĐ PCGD xã Đắk Wer trong công tác PCGD [H5-5.4-01]

 Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường được lưu giữ đầy đủ bao gồm: Các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về công tác phổ cập giáo dục tiểu học [H5-5.4-01]

 Căn cứ vào số liệu điều tra, trường tổ chức các hoạt động như: phân công đội ngũ đến tận hộ gia đình, tổ chức cổ động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, thông báo trên hệ thống đài phát thanh để huy động học sinh ra lớp. Năm năm qua, trường đã huy động được 99,5% trở lên trẻ em 6 tuổi đến trường. Phiếu điều tra phổ cập [H5-5.4-01]

 Trường đã chỉ đạo giáo viên phụ trách phổ cập sắp xếp hồ sơ phổ cập theo từng hộp riêng. Hồ sơ, số liệu phổ cập vừa được lưu bằng văn bản giấy vừa được lưu vào dữ liệu ở máy tính. Việc quản lý hồ sơ phổ cập thực hiện đúng theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về PCGD-XMC.

 Mức 2:

 Hằng năm, nhà trường tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường", phối hợp tốt với các ban, ngành địa phương huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,5% trở lên, huy động trẻ trong địa bàn tuyển sinh của trường đạt trên 99,5% .

 Mức 3:

 Nhà trường thực hiện tốt các công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT tỉnh Đăk Nông, Phòng GD&ĐT huyện Đăk R'lấp về việc thực hiện “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, thành lập Hội đồng tuyển sinh và có kế hoạch tuyển sinh cụ thể, thông báo rộng rãi đến PHHS. Tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng dân cư "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" huy động trẻ trong địa bàn tuyển sinh của trường đạt trên 99,5% .

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của ngành, của chính quyền địa phương trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi;

 Cán bộ phụ trách công tác phổ cập giáo dục của xã có nhiều kinh nghiệm; đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tích cực tham gia công tác điều tra trình độ văn hóa;

 Tỉ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi, tỉ lệ chuyên cần cao.

**3. Điểm yếu**

 Một số phụ huynh do đi làm nương rẫy xa nhà, chưa nhận thức được tầm quan trọng việc học của con em nên chưa phối hợp cùng với nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp với chính quyền địa phương và BĐD CMHS tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục;

 Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

 b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

 c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

 Mức 2:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 Mức 3:

 a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

 b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trong 5 năm qua, trường đã có kế hoạch, giải pháp khả thi trong việc chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn; chỉ đạo giáo viên dạy học đúng đối tượng; tăng cường trong buổi học thứ hai để phụ đạo cho học sinh; giúp các em nắm vững kiến thức, kỹ năng các môn học. Giáo viên không ngừng nỗ lực trong việc soạn, giảng lấy hoạt động học tập của học sinh làm trung tâm. Nhờ vậy, chất lượng đã có sự chuyển biến, đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra. Cuối mỗi năm học, Trường Tiểu học Phan Đình Phùng đạt kết quả khả quan:

 Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đạt trên 98,5% [H5-5.5-01]

 Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt trên 100% [H5-5.5-02]

 Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100 % [H5-5.5-03]

 Trường đã có nhiều giải pháp hiệu quả trong việc chỉ đạo nâng cao chất lượng, đảm bảo được tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm.

 Hằng năm nhà trường đều có xây dựng kế hoạch vận động học sinh ra lớp đảm bảo đúng theo kế hoạch.

 Báo cáo đánh giá kết quả học sinh cuối năm học [H5-5.5-01]

 Mức 2:

 Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đạt trên 98,5%

 Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt trên 100 %

 Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100 %

 Học sinh trong độ tuổi 11 tuổi hằng năm được đánh giá hoàn thành chương trình bậc tiểu học đạt 100%.

 Mức 3:

 Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học duy trì tỉ lệ trên 98% và có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

 Nhà trường xây dựng kế hoạch vận động học sinh ra lớp đảm bảo đúng theo kế hoạch, nên tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi khá cao.

 **2. Điểm mạnh**

 Có đầy đủ các loại hồ sơ theo dõi kết quả học tập của học sinh theo từng lớp cũng như của toàn trường;

 Chất lượng học tập những năm gần đây chuyển biến tích cực. Phong trào học tập phát huy mạnh mẽ. Tỉ lệ học sinh hoàn thành các nhiệm vụ học tập đạt trên 95%

**3. Điểm yếu**

 Tỉ lệ HS hoàn thành tốt nội dung các môn học giữa các khối lớp chưa đồng đều. Vẫn còn khoảng dưới 2% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học do các em tiếp thu chậm, gia đình thiếu quan tâm, nhất là học sinh ở khối lớp 1, 2.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Hàng năm phát động phong trào rèn chữ giữ vở. GVCN thường xuyên kiểm tra việc rèn chữ viết của học sinh.

 Thực hiện giảng dạy đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng đúng nội dung chương trình.

 Làm tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên khích lệ các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc về kết quả học tập.

 Vận động gia đình học sinh tích cực tham gia vào việc giáo dục con em mình học tập.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

 Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch năm học, các kế hoạch giáo dục khác đảm bảo theo quy định của ngành. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được Phòng GD&ĐT chấp thuận phê duyệt.

 Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc vận dụng các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực nhằm đảm bảo mục tiêu nội dung giáo dục và đạt hiệu quả. Tổ chức thực hiện tốt việc đánh giá HS theo Thông tư 22/2016/TT-BGD&ĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT quy định về đánh giá HS tiểu học.

 Nhà trường thực hiện đủ, đúng, phát huy hiệu quả kế hoạch HĐNGLL và các câu lạc bộ trong nhà trường.

 Công tác PCGDTH của nhà trường, hằng năm đều đạt chuẩn phổ cập mức độ 3.

 Hàng năm tỷ lệ học sinh HTCTLH đều đạt từ 98% trở lên. Học sinh 11 tuổi HTCTTH đảm bảo theo chỉ tiêu được giao.

 Tuy nhiên nhà trường còn gặp nhiều khó khăn khi vận động học sinh đến lớp, đặc biệt là một số con em gia đình có hoàn cảnh gia đình nghèo, học sinh đồng bào tại chỗ khó khăn phải theo cha mẹ đi làm mướn theo mùa vụ.

 Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 5/5 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**2. Điểm mạnh**

 Trường có đội ngũ CB-GV-CNV đạt tỉ lệ chuẩn cao, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, hoàn thành mọi nhiệm vụ nhà trường giao phó. Tinh thần học tập, rèn luyện của học sinh đạt nhiều thành tích qua từng năm.

**3. Điểm yếu**

 Việc tổ chức tập huấn thay sách giáo khoa còn hạn chế, ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn mang tính thụ động, gượng ép.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trường tiếp tục tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm bổ sung kế hoạch. Thực hiện tốt các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường ở những năm tiếp theo để bắt kịp sự phát triển của giáo dục và xu thế phát triển của xã hội.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Đảm bảo 98,5% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**2. Điểm mạnh**

 Được sự quan tâm của nhà trường, gia đình và xã hội. Các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn được miễn giảm các khoản đóng góp nhà tường, các chương trình tiếp sức đến trường được thực hiện hằng năm.

 Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và sinh hoạt tập thể cho học sinh. Tạo mọi đều kiện để học sinh phát triển năng khiếu qua các cuộc thi các cấp. Các em được giao lưu học hỏi và phát triển năng khiếu của mình.

**3. Điểm yếu**

 Phụ huynh cần quan tâm, phối hợp với nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để học sinh phát huy năng khiếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục phối hợp cùng các tổ chức, cá nhân tạo điều kiện giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhận học bổng để nâng cao chất lượng học tập. Phát huy năng khiếu trong học tập và rèn luyện.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Tiêu chí 3**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Thư viện có Internet kết nối theo yêu cầu hoạt động của nhà trường nhưng số lượng tài liệu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

 **3. Điểm yếu**

 Số lượng tài liệu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính và các thiết bị còn thiếu, cũ.

 Học sinh ở trường chưa mạnh dạn, tự tin, chủ động trong việc ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu khoa học, ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy và học.

  Động viên, khuyến khích giáo viên và học sinh tham gia các Hội thi, có các hình thức khen thưởng xứng đáng cho các thành tích đạt được.

 **5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tiếp cận với sách báo, rèn luyện thói quen đọc sách để tiếp thu, trau dồi tri thức, nhà trường có xây dựng mô hình “Thư viện xanh”. “Ngày hội đọc sách” đã thu hút đông đảo học sinh tới đọc, trao đổi, chia sẻ với nhau những thông tin thú vị trong giờ ra chơi và trước mỗi buổi học. Tuy nhiên, thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa xây dựng được thư viện sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh, phát triển nguồn tư liệu điện tử đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh.

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có xây dựng mô hình “Thư viện xanh”, triển khai ngày hội đọc sách đã thu hút đông đảo học sinh tới đọc, trao đổi, chia sẻ với nhau những thông tin thú vị trong giờ ra chơi và trước mỗi buổi học.

**3. Điểm yếu**

 Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa xây dựng được thư viện sách, báo, tạp chí bằng tiếng Anh, phát triển nguồn tư liệu điện tử đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu các cấp lãnh đạo, cấp trên xin xây dựng phòng thư viện cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Trong những năm qua tính đến thời điểm đánh giá, còn một số tiêu chí trong phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường chưa đạt mục tiêu đề ra.

**2. Điểm mạnh**

 Chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà  trường và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội  của địa phương.

 **3. Điểm yếu**

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được các bậc phụ huynh học sinh quan tâm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục thực hiện các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo.

 Phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường đến phụ huynh học sinh trong các phiên họp định kỳ hàng năm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Kết luận:**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 2/5 tiêu chí chiếm 40 %
	+ Đạt: 3/5 tiêu chí chiếm 60 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: (23/27) (15/19) tiêu chí chiếm 85,2 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 2/5 tiêu chí chiếm 40 %
	+ Đạt: 3/5 tiêu chí chiếm 60 %

 Nhà trường thực hiện tốt các tiêu chí về thực hiện hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. Giáo viên thực hiện theo đúng chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hằng tháng, nhà trường tổ chức: Kiểm tra toàn diện; Kiểm tra chuyên đề và thao giảng giúp giáo viên học hỏi kinh nghiệm, nâng cao tay nghề. Các hoạt động hỗ trợ giáo dục đều lập kế hoạch tổ chức; phân công và huy động lực lượng giáo viên, nhân viên tham gia. Thời khóa biểu đáp ứng yêu cầu các môn học đảm bảo phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi học sinh và hoạt động dạy - học. Nhà trường có xây dựng kế hoạch PCGD tiểu học thông qua việc phối hợp với địa phương để thực hiện. Nhà trường thực hiện thống kê đầy đủ số liệu về kết quả học tập của toàn trường vào mỗi giữa học kì và cuối mỗi học kì; có số liệu thống kê về kết quả xếp loại theo quy định. Học sinh được tuyên truyền về giáo dục sức khỏe, an toàn vệ sinh ăn uống, phòng bệnh, phòng dịch. 100% học sinh được khám sức khoẻ đầu năm, kiểm tra sức khỏe định kỳ và tiêm chủng phòng bệnh.

 Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhà trường vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định: Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên hàng năm có sự biến động, một số giáo viên tuổi đời cao, năng lực chuyên môn còn hạn chế dẫn đến việc chỉ đạo thực hiện của Ban giám hiệu gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, việc thực hiện công tác tự đánh giá là cơ sở để nhà trường nhìn lại những kết quả đã đạt được đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị mình trong thời gian tới.

 Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá một cách liên tục bền bỉ trong suốt quá trình làm việc, đầu tư công sức, trí tuệ một cách miệt mài của tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, đặc biệt là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá Trường Tiểu học Phan Đình Phùng.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN ĐÌNH PHÙNG tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Đăk Wer, ngày tháng 11 năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
|   |  **HIỆU TRƯỞNG** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**